



## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
MỞ ĐẦU.....	3
CHƯƠNG I. NHỮNG TÌM HIỂU CHUNG VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	5
I. Khái niệm về thương mại điện tử.....	5
I. Các đặc trưng của thương mại điện tử.....	5
III. Thanh toán trong thương mại điện tử.....	6
IV. Lợi ích của thương mại điện tử.....	9
V. Mô hình cửa hàng trực tuyến.....	10
CHƯƠNG II. KHẢO SÁT HỆ THỐNG.....	13
I. Hiện trạng của một cửa hàng truyền thống.....	13
II. Hệ thống bán hàng trực tuyến.....	14
CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG.....	17
I. Phân tích chức năng hệ thống.....	17
1. Sơ đồ chức năng.....	17
2. Chi tiết chức năng.....	20
3. Sơ đồ luồng dữ liệu.....	35
II. Mô hình thực thể liên kết.....	41
1. Các thực thể.....	41
2. Mô hình thực thể liên kết.....	47



<b>III. Thiết kế cơ sở dữ liệu</b>	48
1. Mô hình dữ liệu vật lý	48
2. Mô hình dữ liệu quan hệ	60
<b>CHƯƠNG IV. XÂY DỰNG VÀ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH</b>	61
I. Ngôn ngữ xây dựng chương trình	61
II. Thiết kế chương trình	62
1. Một số chức năng chính của thành viên	62
2. Một số chức năng chính của khách vãng lai	70
3. Một số chức năng chính của Admin	71
III. Những hạn chế và hướng giải quyết chương trình	78
<b>KẾT LUẬN</b>	79
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	80

## MỞ ĐẦU

Trong lịch sử phát triển xã hội của loài người, trao đổi hàng hóa đã xuất hiện từ rất sớm. Xuất phát từ lí do cơ bản: nhu cầu của cá nhân ngày càng tăng trong khi sức sản xuất, chủng loại sản phẩm chỉ có giới hạn, con người nghĩ đến việc đem những sản phẩm mình có mà người khác đang cần, đổi lấy thứ thiết yếu khác cho cuộc sống bản thân. Hình thức trao đổi hàng – hàng xuất hiện. Theo thời gian, hiệu quả sản xuất tăng, nhu cầu sử dụng hàng hóa cũng tăng, việc trao đổi trực tiếp không còn thích hợp, đồng tiền được khai sinh. Con người chuyển sang dạng trao đổi hàng – tiền – hàng, và theo đó khái niệm “mua, bán” cũng ra đời. Cùng với thời gian, hoạt động mua bán đơn thuần đã có từng bước phát triển nhảy vọt. Tại thời điểm này, chúng ta đã có thêm những khái niệm mới như: thị trường, kinh doanh, giao dịch, thương mại... gắn với những hình thức trao đổi mới. Hoạt động kinh tế trở thành lĩnh vực quan trọng và không thể thiếu hàng ngày.

Một điểm rất quan trọng, đó là cùng với sự phát triển của Internet thì đến giữa thập niên 90 khái niệm “Thương mại điện tử” (E-Commerce) ra đời. Thay vì buôn bán, kinh doanh trên một phạm vi nhỏ hẹp, đòi hỏi đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất tốn kém, các doanh nghiệp, các cá nhân hoàn toàn có thể đưa “cửa hàng” của mình tham gia vào một thị trường rộng lớn hơn, không giới hạn về mặt không gian, địa lí, thời gian dựa trên hệ thống mạng toàn cầu Internet. Hiện nay, ở Việt Nam, tuy hình thức kinh doanh cũ vẫn là phổ biến nhưng bên cạnh đó hệ thống bán hàng trực tuyến đang dần phát triển với đa dạng mặt hàng, hiệu quả về tính năng, không giới hạn thời gian phục vụ cùng nhiều ưu điểm khác...

Có thể thấy Thương mại điện tử đang dần trở thành một thị trường lớn cho ngành CNTT. Sự phát triển của Thương mại điện tử bản thân nó cũng kích thích ngược lại vào sự phát triển của ngành CNTT. Hàng loạt các công ty, thậm



chỉ là cá nhân đã tìm được hướng đi cho mình: xây dựng hệ thống kinh doanh trực tuyến, cung cấp dịch vụ, đào tạo nhân lực... nằm trong lĩnh vực này. Với lý do đó, em đã lựa chọn đề tài: “Xây dựng website bán hàng trực tuyến”, một nội dung nhỏ nhưng cơ bản, quan trọng, phổ biến trong Thương mại điện tử làm nội dung cho đồ án tốt nghiệp của mình.

Báo cáo của em gồm 4 chương:

### **Chương I. Những tìm hiểu chung về Thương mại điện tử**

Cách nhìn tổng quát nhất về Thương mại điện tử. Đồng thời đưa ra những hình dung đầu tiên về một cửa hàng trực tuyến.

### **Chương II. Khảo sát hệ thống**

Thực hiện nhiệm vụ khảo sát, tìm hiểu hệ thống quản lý và kinh doanh quần áo; so sánh các hệ thống cũ đã có trong thực tế; khảo sát các yêu cầu mà người dùng đặt ra để từ đó đi tới nhận xét chung về hệ thống, nhiệm vụ của hệ thống sẽ xây dựng.

### **Chương III. Phân tích và thiết kế hệ thống**

Từ khảo sát ban đầu, trong phần này sẽ đi sâu hơn, cụ thể vào việc phân tích, thiết kế hệ thống. Các bước thực hiện bao gồm:

- Phân tích chức năng hệ thống
- Xây dựng mô hình thực thể liên kết
- Thiết kế cơ sở dữ liệu

### **Chương IV. Xây dựng và cài đặt chương trình**

Chương cuối cùng bao gồm:

- Khái quát chung về ngôn ngữ sử dụng để xây dựng chương trình
- Thiết kế chương trình
- Hạn chế và hướng khắc phục của chương trình.

# CHƯƠNG I: NHỮNG TÌM HIỂU CHUNG VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

## *I. Khái niệm về Thương mại điện tử*

Có nhiều khái niệm về thương mại điện tử, nhưng hiểu một cách tổng quát thì: “Thương mại điện tử là việc tiến hành một phần hay toàn bộ hoạt động thương mại bằng những phương tiện điện tử”.

Như vậy có thể thấy rằng phạm vi của Thương mại điện tử là rất rộng, bao quát hầu hết các lĩnh vực hoạt động kinh tế như: mua bán hàng hóa và dịch vụ qua phương tiện điện tử; giao nhận các nội dung kỹ thuật số trên mạng; chuyển tiền điện tử, mua bán cổ phiếu, vận đơn điện tử; đấu giá thương mại; hợp tác thiết kế; tài nguyên mạng; mua sắm công cộng; tiếp thị trực tuyến tới người tiêu dùng; các dịch vụ sau bán hàng... Thương mại điện tử đang thực sự trở thành một cuộc cách mạng làm thay đổi cách thức mua bán, kinh doanh và thậm chí là nền kinh tế của con người.

## *II. Các đặc trưng của Thương mại điện tử*

So với các hoạt động thương mại truyền thống, Thương mại điện tử có một số điểm khác biệt cơ bản sau:

1. Các bên tiến hành giao dịch trong Thương mại điện tử không tiếp xúc trực tiếp với nhau và không đòi hỏi phải biết nhau từ trước.
2. Các giao dịch thương mại truyền thống được thực hiện với sự tồn tại của khái niệm biên giới quốc gia, còn Thương mại điện tử được thực hiện trong một thị trường không có biên giới (thị trường thống nhất toàn cầu). Thương mại điện tử trực tiếp tác động tới môi trường cạnh tranh toàn cầu.



3. Trong hoạt động giao dịch Thương mại điện tử đều có ít nhất của ba chủ thể, trong đó một bên không thể thiếu được là người cung cấp dịch vụ mạng, các quan chức chứng thực. Hai bên còn lại là bên bán và bên mua.

4. Đối với thương mại truyền thống thì mạng lưới thông tin chỉ là phương tiện để trao đổi dữ liệu, còn đối với Thương mại điện tử thì mạng lưới thông tin chính là thị trường.

5. Các loại hình ứng dụng Thương mại điện tử: có thể phân chia thương mại điện tử ra các loại hình phổ biến như sau:

- Giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp - **B2B** (business to business).
- Giao dịch giữa doanh nghiệp với khách hàng - **B2C** (business to consumer).
- Giao dịch giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước - **B2G** (business to government).
- Giao dịch trực tiếp giữa các cá nhân với nhau - **C2C** (consumer to consumer).
- Giao dịch giữa cơ quan nhà nước với cá nhân - **G2C** (government to consumer).

### ***III. Thanh toán trong Thương mại điện tử***

Thương mại điện tử chỉ có thể thực hiện thực tế và có hiệu quả khi đã tồn tại một hệ thống thanh toán tài chính ở mức độ phát triển đủ cao, cho phép tiến hành thanh toán tự động (trong đó có "*thẻ thông minh*") đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong kinh doanh bán lẻ. Khi chưa có hệ thống này thì thương mại điện tử chỉ giới hạn trong khâu trao đổi tin tức, còn việc buôn bán hàng hóa và dịch vụ vẫn phải kết thúc bằng trả tiền trực tiếp hoặc qua các phương tiện thanh



toán truyền thông, hiệu quả sẽ thấp, rất có thể không đủ bù đắp được cho chi phí trang bị phương tiện thương mại điện tử.

Có nhiều hình thức thanh toán và một trong số đó là thông qua thẻ tín dụng. CyberCash là một trong những công ty nổi tiếng trong lĩnh vực xử lý các giao dịch của Thương mại điện tử. Thanh toán qua thẻ tín dụng cũng nằm trong những phương thức mà công ty cung cấp cho khách hàng. Có thể tìm hiểu sơ qua về chức năng này:

“CyberCash Secure Internet Credit Card Service là một phần của CashRegister được giới thiệu lần đầu tiên vào tháng 5 năm 1995. Nó cho phép khách hàng với thẻ tín dụng có thể mua hàng hoặc dịch vụ từ các cửa hàng trên mạng đã cài đặt CyberCash CashRegister. Để hoàn tất phần mềm này người bán hàng phải tải xuống một bộ công cụ phần mềm từ WEB site của CyberCash. Quá trình cài đặt sẽ tích hợp WEB site với một phần mềm máy chủ CyberCash để xử lý thanh toán. Sau khi CashRegister được cài đặt người bán hàng phải đăng ký một tài khoản tại một nhà băng nào đó chấp nhận thanh toán thông qua việc xử lý thẻ tín dụng của CyberCash.

CyberCash lập lại các công việc xử lý thẻ tín dụng trong thế giới thực qua Internet. Dưới đây là cách mà một hệ thống xử lý thẻ tín dụng điển hình thực hiện:

1. Khách hàng đưa thẻ tín dụng cho người bán.
2. Người bán hoặc đôi lúc là khách hàng, đưa thẻ vào một máy đọc thẻ.
3. Thông tin trên dải băng từ của thẻ được truyền đến một bộ xử lý thẻ tín dụng để xác thực.
4. Thông tin trên thẻ được so sánh với một tập hợp các nguyên tắc đã được định nghĩa trước bởi người phát hành thẻ cho khách hàng (ví dụ như Visa) như hạn mức tín dụng và ngày hết hạn.

5. Sau khi quá trình xác minh được chấp nhận, hệ thống sẽ gửi lại cho người bán một mã xác thực.

6. Người bán sử dụng mã xác thực này trên phiếu thanh toán.

CyberCash tự động hoá quá trình xử lý này thông qua phần mềm của họ và mối quan hệ với các nhà băng khác và các mạng xác thực thẻ tín dụng. Sau khi khách hàng trên WEB nhập số thẻ tín dụng vào phần mềm CashRegister, thông qua CyberCash Wallet hoặc chỉ đơn giản là nhập nó vào một biểu mẫu trên trang WEB thì CashRegister sẽ định dạng giao dịch vào và chuyển nó qua Internet tới các trung tâm xử lý xác thực. Sau khi quá trình xác thực được chấp nhận thì nó sẽ được gửi lại CashRegister để đảm bảo chấp nhận quá trình mua bán này cho khách hàng. Toàn bộ quá trình này mất khoảng 15 giây. CashRegister chạy trên rất nhiều môi trường khác nhau bao gồm Solaris, SUNOS, SGI, HP-UX, BSDI, Windows, Linux và Macintosh.”

Tức là, toàn bộ quá trình thực hiện thủ công (từ bước 1 tới 6) sẽ được chuyển đổi sang hình thức xử lý điện tử, tự động. Thanh toán hoàn toàn có thể thực hiện từ những vị trí địa lý khác nhau, trong bất kỳ thời điểm nào và thời gian vô cùng nhanh chóng. Đây chính là sức mạnh và yếu tố chủ chốt nhất của Thương mại điện tử.

Tuy nhiên, xét vào thực tiễn cụ thể thì thanh toán trực tuyến của Việt Nam lại đang là một trong những điểm gây ra khó khăn cho quá trình điện tử hóa thương mại. Thanh toán trực tuyến gặp nhiều cản trở trong quá trình xây dựng, với những vướng mắc như: quyết toán thuế; nhận thức của người dân và doanh nghiệp về thương mại điện tử còn thấp; hệ thống thanh toán điện tử còn bất cập; an ninh giao dịch chưa đảm bảo; môi trường pháp lý chưa hoàn thiện; môi trường xã hội và tập quán kinh doanh chưa tương thích; nguồn nhân lực CNTT còn thiếu và yếu về kỹ năng; hạ tầng CNTT và viễn thông chưa đáp ứng được yêu cầu... Bởi những lý do đó, công cụ thanh toán trực tuyến mới chỉ



được xây dựng và phát triển trong phạm vi còn hạn hẹp, chủ yếu ở trong hệ thống ngân hàng, hàng không. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa thực sự có cơ hội để áp dụng phương thức thanh toán này trên các website thương mại của mình.

#### ***IV. Lợi ích của Thương mại điện tử***

##### **1. Thu thập được nhiều thông tin**

Thương mại điện tử giúp người tham gia thu thập được nhiều thông tin về thị trường, đối tác, giảm chi phí tiếp thị và giao dịch, rút ngắn thời gian sản xuất, tạo dựng và củng cố quan hệ bạn hàng. Các doanh nghiệp nắm được thông tin phong phú về kinh tế thị trường, nhờ đó có thể xây dựng được chiến lược sản xuất và kinh doanh thích hợp với xu thế phát triển của thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

##### **2. Giảm chi phí sản xuất**

Thương mại điện tử giúp giảm chi phí sản xuất, trước hết là chi phí văn phòng. Các văn phòng không giấy tờ chiếm diện tích nhỏ hơn rất nhiều, chi phí tìm kiếm, chuyển giao tài liệu giảm nhiều lần (trong đó khâu in ấn hầu như được bỏ hẳn). Với góc độ chiến lược, các nhân viên có năng lực được giải phóng khỏi nhiều công đoạn, sự vụ để có thể tập trung vào nghiên cứu sự phát triển, sẽ đưa tới những lợi ích lâu dài.

##### **3. Giảm chi phí bán hàng, tiếp thị và giao dịch**

Thương mại điện tử giúp giảm thấp chi phí bán hàng và chi phí sản xuất. Bằng phương tiện Internet/Web, một nhân viên bán hàng có thể giao dịch được với rất nhiều khách hàng. Catalogue điện tử trên web phong phú hơn nhiều và thường xuyên cập nhật so với catalogue in ấn chỉ có khuôn khổ giới hạn và luôn luôn lỗi thời. Thương mại điện tử giúp người tiêu thụ và các doanh nghiệp giảm

đáng kể thời gian và chi phí giao dịch (giao dịch được hiểu là từ quá trình quảng cáo, tiếp xúc ban đầu, giao dịch đặt hàng, giao dịch thanh toán).

Từ những yếu tố trên, chu trình sản xuất được rút ngắn. Nhờ đó sản phẩm mới xuất hiện nhanh và hoàn thiện hơn.

#### 4. Xây dựng quan hệ với đối tác

Thương mại điện tử tạo điều kiện cho việc thiết lập và củng cố quan hệ giữa các thành viên tham gia vào quá trình thương mại. Thông qua mạng Internet, các thành viên tham gia có thể giao tiếp trực tiếp và liên tục với nhau, có cảm giác không còn khoảng cách về địa lý và thời gian. Sự quản lý và hợp tác đều được tiến hành một cách nhanh chóng và liên tục. Các bạn hàng mới, các cơ hội kinh doanh mới được phát hiện nhanh chóng trên phạm vi toàn quốc, toàn khu vực, toàn thế giới, và có nhiều cơ hội để lựa chọn.

#### 5. Tạo điều kiện sớm tiếp cận kinh tế trí thức

Trước hết, Thương mại điện tử sẽ kích thích sự phát triển của ngành Công nghệ thông tin, tạo cơ sở cho phát triển kinh tế trí thức. Lợi ích này có ý nghĩa lớn với các nước đang phát triển: nếu không nhanh chóng tiếp cận nền kinh tế trí thức thì sau khoảng một thập kỷ nữa, nước đang phát triển có thể bị bỏ rơi hoàn toàn. Khía cạnh lợi ích này mang tính chiến lược công nghệ và chính sách phát triển cần có cho các nước công nghiệp hóa.

### ***V. Mô hình cửa hàng trực tuyến***

Cửa hàng trực tuyến (shop online) là một hình thức kinh doanh trong Thương mại điện tử. Có thể hiểu, cửa hàng trực tuyến giống như một cửa hàng thực, chỉ khác ở chỗ nó tồn tại trong thế giới ảo, môi trường hoạt động dựa hệ thống mạng máy tính Internet và mang một số đặc thù riêng. Các lợi thế của cửa hàng trực tuyến có thể được nhìn nhận ngay từ lợi thế của Thương mại điện



tử. Cách thức hoạt động của một cửa hàng trực tuyến đối với khách hàng được mô tả khái quát như sau:

1. Khách hàng đăng nhập vào địa chỉ website của cửa hàng (thông qua một máy tính đã kết nối Internet).
2. Tại địa chỉ website, khách hàng có thể xem xét các sản phẩm, dịch vụ, tin tức... mà “cửa hàng” cung cấp.
3. Chức năng chọn mua sản phẩm, đặt hàng trực tiếp trên website giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch từ xa.
4. Hoàn tất giao dịch.

Tức là, toàn bộ các bước từ xem hàng, lựa chọn sản phẩm và mua hàng được thực hiện hoàn toàn tự động. Người mua không mất công đến trực tiếp cửa hàng, tiết kiệm cả thời gian và chi phí cho khách. Cùng với đó, khoảng cách giữa người bán hàng và khách hàng được rút ngắn lại. Thông qua các chức năng như nhận ý kiến phản hồi, thông tin đánh giá sản phẩm... người bán có thể thống kê, nắm bắt tâm lý, xu hướng khách hàng. Bản thân khách hàng cũng thấy hài lòng hơn với những dịch vụ mà “cửa hàng” mang lại.

Tuy nhiên, khi xem xét bất kỳ một vấn đề nào thì ta đều phải có sự nhìn nhận, đánh giá tổng quan nhất. Ngoài những ưu điểm, ta có thể liệt kê ra những nhược điểm của bán hàng trực tuyến, cụ thể là bán hàng trực tuyến tại Việt Nam:

- Thói quen, tập quán mua bán hàng hóa của người Việt Nam mang tính truyền thống. Nghĩa là khi khách hàng muốn tìm hiểu về một mặt hàng thì họ sẽ ưu tiên việc được xem xét và kiểm tra hàng hóa trực tiếp. Lý do đơn giản dễ lý giải cho điều này là bởi uy tín, trách nhiệm của các cửa hàng, nhà cung cấp sản phẩm là chưa thực sự cao. Các thông tin về sản phẩm được đăng tải trên website đôi lúc có sự khác biệt so với sản phẩm thật (hình ảnh, màu sắc...).



- Hệ thống thanh toán trực tuyến còn non kém. Hầu hết các công ty, cửa hàng sử dụng website bán hàng của mình với mục đích marketing, giới thiệu sản phẩm hơn là mua bán trực tuyến. Thủ tục để hoàn tất việc mua bán lại là phi trực tuyến (khách trả tiền trực tiếp sau khi được nhận hàng, thậm chí khách hàng phải đến đến địa điểm phân phối sản phẩm, bán hàng của công ty sau khi đã tìm hiểu về mặt hàng trên website). Mô hình C2C (customer – customer) còn nửa vời.

- Sự bảo mật trên Internet không được đảm bảo. Khách hàng có thể không biết họ đang mua hàng của ai và thông tin tài chính của họ có được đảm bảo giữ bí mật hay không.

- Không có sự nhất quán trong các luật thuế, các vấn đề pháp lý và hiệp ước Quốc Tế.

Tóm lại, từ cách nhìn tổng quát (Thương mại điện tử) hay cách nhìn chi tiết hơn (cửa hàng trực tuyến) ta có thể thấy lĩnh vực này còn khá non trẻ tại Việt Nam, còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình xây dựng. Nhưng cũng không thể phủ nhận những lợi thế, tiềm năng và sức mạnh của nó. Theo xu thế chung của thế giới, chắc chắn hoạt động này sẽ còn có những bước tiến xa trong tương lai tại Việt Nam.

## CHƯƠNG II. KHẢO SÁT HỆ THỐNG

### *I. Hiện trạng của một cửa hàng truyền thống*

Một số đặc điểm của hình thức bán hàng truyền thống có thể liệt kê ra như sau:

- Đầu tư: với hình thức kinh doanh truyền thống thì đòi hỏi đầu tiên chính là cơ sở hạ tầng, bao gồm: địa điểm gian hàng, diện tích gian hàng, cách bố trí và sắp xếp sản phẩm trong gian hàng... Những yếu tố này đòi hỏi nhà đầu tư phải mất một số vốn và thời gian không nhỏ nhưng mức độ hiệu quả thì chưa chắc đã cao, nhiều rủi ro và lãng phí.

- Chức năng: các cửa hàng cung cấp cho khách hàng cách nhìn cụ thể vào sản phẩm mà mình cung cấp. Khách hàng được trực tiếp tiếp cận với sản phẩm, từ đó đưa ra những lựa chọn thích hợp. Tuy nhiên, tồn tại một trở ngại lớn đó là khách hàng ở xa phải mất thời gian, tiền bạc đến cửa hàng để thực hiện giao dịch.

- Dịch vụ: hầu như các cửa hàng quần áo, thời trang chưa thực sự mang đến cho khách hàng những dịch vụ cụ thể. Đơn giản như khách hàng muốn cập nhật thông tin về thời trang, muốn nắm bắt xu thế ăn mặc của xã hội... thì đều chỉ có thể thông qua những lời tư vấn của nhân viên hoặc phải tự trang bị cho mình thông qua tạp chí, sách báo. Khách hàng muốn đóng góp, phản hồi ý kiến của mình cho cửa hàng sẽ gặp những khó khăn, đơn giản chỉ bởi cửa hàng không hề có một “hòm thư góp ý” nào cả. Khoảng cách giữa khách hàng và cửa hàng là khá lớn.

- Quản lý và thống kê: đối tượng quản lý của một hệ thống bán hàng bao gồm sản phẩm, mặt hàng, hóa đơn... Phương thức quản lý thô sơ, thông qua

giấy tờ sổ sách dẫn đến việc thực hiện liệt kê, truy cập, tìm kiếm, thống kê rườm rà, mất thời gian.

Những yếu tố trên chính là nguyên nhân gây ra sức cản khá lớn cho hiệu quả hoạt động của cửa hàng.

## **II. Hệ thống bán hàng trực tuyến:**

Hệ thống xây dựng nhằm khắc phục những nhược điểm của hệ thống cũ đã trình bày ở trên. Đồng thời nó cũng mang tính chất hỗ trợ, bổ xung cho phương thức kinh doanh truyền thống. Có thể nhìn nhận chức năng của hệ thống thông qua hai cách sau:

### **1. Theo mục đích sử dụng**

- Giới thiệu sản phẩm ở mức độ chi tiết, cung cấp những thông tin về mặt hàng (hình ảnh, báo giá, mô tả sản phẩm...).
- Chức năng giỏ hàng và mua hàng trực tuyến.
- Cung cấp, cập nhật các thông tin về thời trang.
- Cung cấp chức năng phản hồi dành cho người dùng, để khách hàng có thể gửi các đánh giá, nhận xét đến với cửa hàng.
- Cung cấp chức năng quản lý sản phẩm, nhóm sản phẩm, giá cả, tin tức, quản lý thành viên, quản lý hóa đơn...
- Cung cấp chức năng thống kê doanh số, sản phẩm tồn kho, sản phẩm bán chạy...

### **2. Theo người dùng**

Xét về góc độ người sử dụng, hệ thống cho ta ba góc nhìn từ phía khách vãng lai, thành viên và người quản trị. Ứng với mỗi người dùng thì các chức năng cũng khác nhau.

### 2.1 Chức năng của khách vãng lai

Khách vãng lai là những người ghé thăm trang web, chưa thực hiện việc đăng nhập tài khoản. Được cung cấp một số chức năng:

- Xem sản phẩm: xem danh sách sản phẩm chung, xem danh sách sản phẩm theo nhóm, xem danh sách sản phẩm theo lựa chọn danh mục, xem thông tin chi tiết về sản phẩm.
- Tìm kiếm sản phẩm: tìm kiếm các sản phẩm theo tên, nhóm, kích thước, giá tiền.
- Xem tin tức: xem danh sách tin, chi tiết từng tin.
- Chọn hàng: chức năng này giống như việc cung cấp cho mỗi khách vãng lai một giỏ hàng để có thể lựa chọn tùy ý các mặt hàng mình muốn mua. Cho phép khách thêm các sản phẩm vào giỏ hàng, cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng, xóa sản phẩm trong giỏ hàng và ước tính chi phí mua hàng.
- Đăng ký thành viên: khách vãng lai đăng ký làm thành viên của trang web để có thêm những quyền lợi và để hoàn tất việc mua hàng

### 2.2 Chức năng của thành viên

Thành viên có các chức năng cơ bản như khách vãng lai, đồng thời có thêm những chức năng khác, bao gồm:

- Đăng nhập và đăng xuất
- Chức năng mua hàng: chọn hàng, xem danh sách sản phẩm trong giỏ hàng của mình, cập nhật giỏ hàng và đặt mua hàng. Chức năng này đã hoàn thiện đối với thành viên, khác so với chức năng giỏ hàng của khách vãng lai, mới dừng lại ở mức độ lựa chọn sản phẩm.
- Gửi thông tin phản hồi và đánh giá sản phẩm cho website.
- Quản lý thông tin cá nhân: mỗi thành viên đều có quyền được chỉnh sửa, cập nhật thông tin cá nhân của mình miễn là thông tin đầu vào là hợp lệ.



### 2.3 Người quản trị hệ thống (admin)

Là người được phép tương tác với dữ liệu của hệ thống. Thực hiện chức năng sau:

- Đăng nhập, đăng xuất.
- Quản lý sản phẩm: được quyền xem, sửa, xóa, thêm bớt toàn bộ thông tin về sản phẩm và các dữ liệu liên quan như nhóm sản phẩm, danh mục kích thước...
- Quản lý thành viên: xem thông tin thành viên, cấp phép quyền mua hàng của thành viên, thông báo tin tức cho thành viên
- Quản lý tin tức.
- Quản lý các thông tin phản hồi, đánh giá sản phẩm
- Quản lý hóa đơn: xem danh sách hóa đơn, nội dung chi tiết hóa đơn, xử lý các hóa đơn
- Báo cáo thống kê.



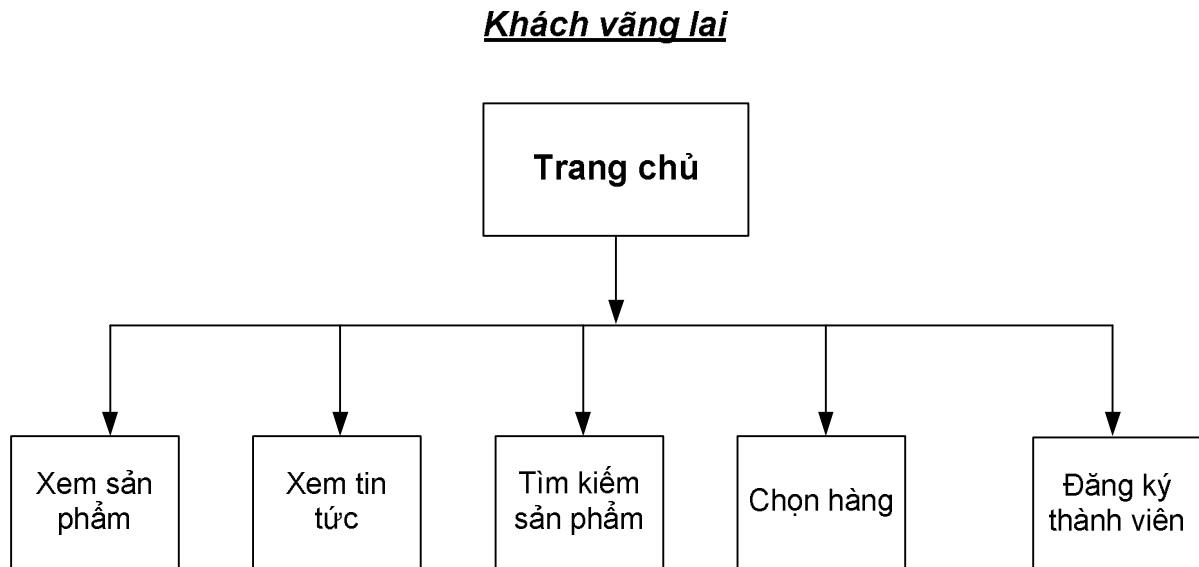
## CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

### *I. Phân tích chức năng hệ thống*

Đối tượng của WebSite bao gồm:

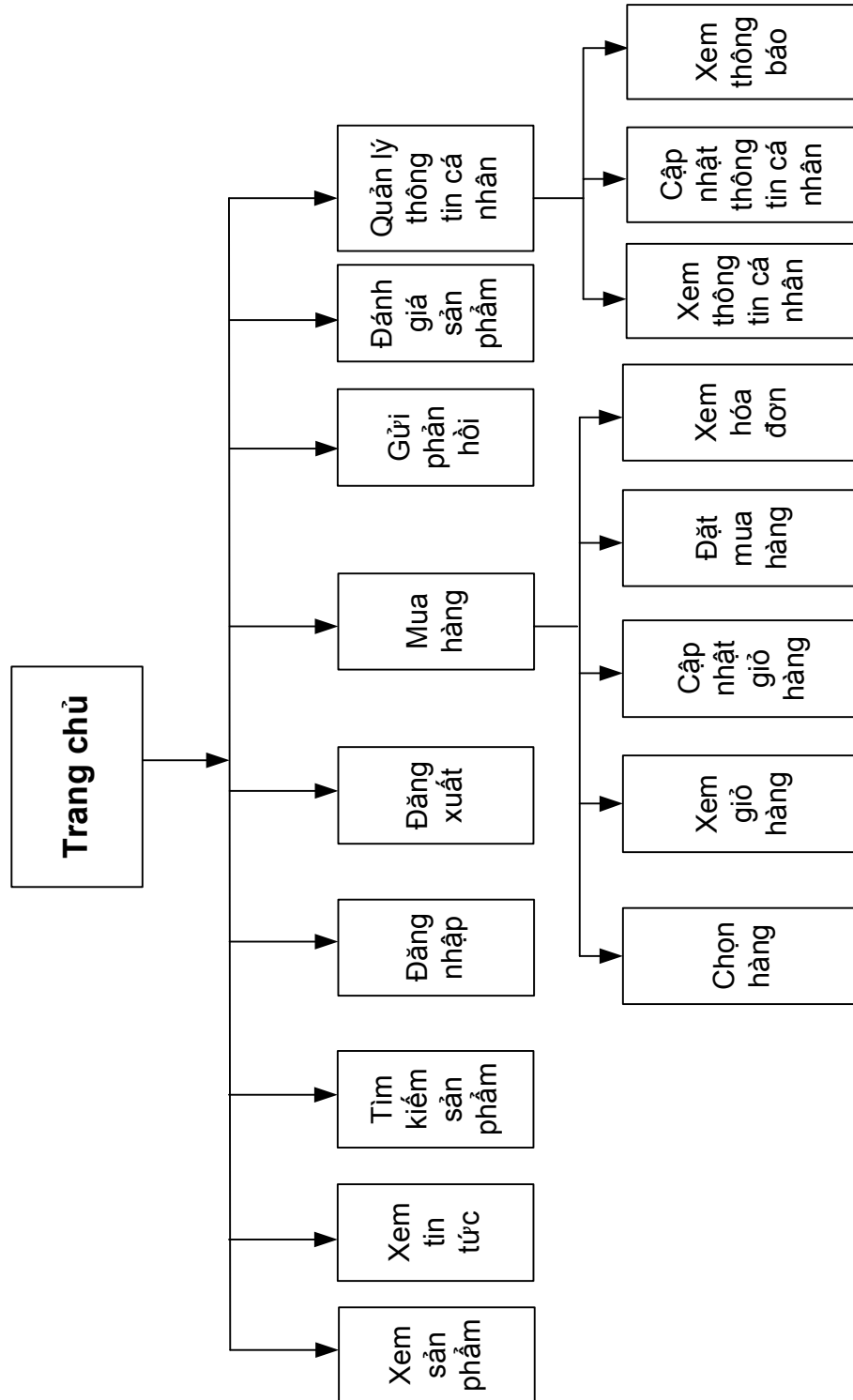
- Khách vãng lai (Guest)
- Thành viên (Member)
- Quản trị hệ thống (Admin).

#### *1. Sơ đồ chức năng*



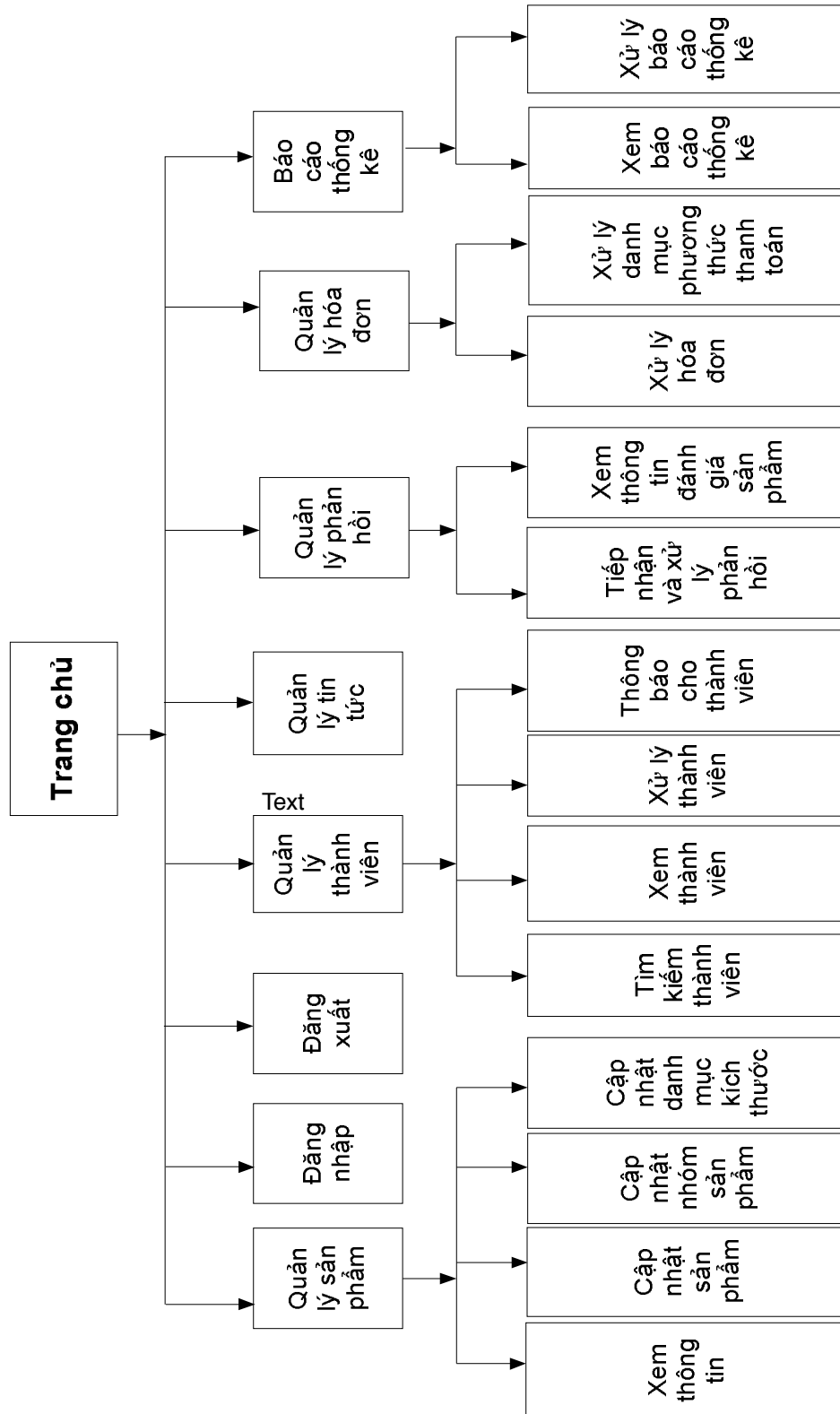
Hình 1. Sơ đồ phân rã chức năng đối với khách vãng lai

Thành viên



Hình 2. Sơ đồ phân rã chức năng đối với thành viên

## Admin (quản trị hệ thống)



Hình 3. Sơ đồ phân rã chức năng đối với Admin

## **2. Chi tiết chức năng**

### **2.1. Chức năng của khách vãng lai (guest)**

#### **2.1.1. Xem sản phẩm**

Mô tả	Khách hàng có thể xem danh sách sản phẩm, thông tin chi tiết về các sản phẩm.
Đầu vào	Lựa chọn sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm cần xem.
Xử lý	Tìm kiếm trong CSDL.
Đầu ra	Hiển thị thông tin về sản phẩm mà khách hàng muốn xem.

#### **2.1.2. Tìm kiếm sản phẩm**

Mô tả	Cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm theo ý muốn.
Đầu vào	Nhập thông tin mặt hàng để tìm kiếm
Xử lý	Tìm kiếm thông tin theo yêu cầu trong CSDL.
Đầu ra	Đưa ra kết quả tìm kiếm theo yêu cầu.

#### **2.1.3. Chọn hàng**

Mô tả	Khách hàng lựa chọn mặt hàng và đặt vào giỏ hàng.
Đầu vào	Lựa chọn sản phẩm cần mua .
Xử lý	Truy cập CSDL lưu thông tin đã chọn vào giỏ hàng
Đầu ra	Thông tin về sản phẩm có trong giỏ hàng.

#### 2.1.4 Đăng ký thành viên

Mô tả	Khách hàng có thể chọn chức năng đăng ký là thành viên của website để có những quyền lợi tốt hơn.
Đầu vào	Nhập thông tin theo mẫu (User name, Password, Tên, địa chỉ, số điện thoại,..)
Xử lý	Kiểm tra thông tin nhập có hợp lệ hay không và thêm vào CSDL.
Đầu ra	Hiển thị thông báo đăng ký thành công hoặc nhập lại.

#### 2.1.5. Xem tin tức:

Mô tả	Khách hàng có thể xem thông tin về thời trang, tin tức về các sản phẩm, mặt hàng.
Đầu vào	Lựa chọn mục tin cần xem.
Xử lý	Tìm kiếm trong CSDL.
Đầu ra	Hiển thị chi tiết tin tức

### **2.2. Chức năng của thành viên (Member)**

Thành viên có đầy đủ các chức năng của khách vãng lai như:

2.2.1. Xem sản phẩm

2.2.2. Xem tin tức

2.2.3. Tìm kiếm sản phẩm

Ngoài ra thành viên còn có một số chức năng sau:

#### 2.2.4. Đăng nhập

Mô tả	Sau khi khách đăng ký thành công hoặc đã có tài khoản thành viên thì có thể đăng nhập vào Website
Đầu vào	Nhập tên tài khoản và mã tài khoản
Xử lý	Kiểm tra đã nhập tên tài khoản và mật mã chưa, kiểm tra tài khoản của thành viên này có trong CSDL hay không?
Đầu ra	Đưa ra thông báo bạn đăng nhập thành công hoặc chưa thành công.

#### 2.2.5. Đăng xuất

Mô tả	Thành viên thoát khỏi đăng nhập vào WebSite
Đầu vào	Lựa chọn đăng xuất.
Xử lý	Truy xuất CSDL và kiểm tra xem đã thoát ra khỏi đăng nhập chưa.
Đầu ra	Hiển thị đã thoát khỏi thành công hoặc yêu cầu làm lại

## 2.2.6. Mua hàng

### 2.2.6.1. Chọn hàng

Mô tả	Thành viên lựa chọn sản phẩm và đặt vào giỏ hàng
Đầu vào	Lựa chọn sản phẩm cần mua
Xử lý	Truy cập CSDL lưu thông tin đã chọn vào giỏ hàng
Đầu ra	Thông tin về sản phẩm có trong giỏ hàng của từng thành viên

### 2.2.6.2. Xem giỏ hàng

Mô tả	Thành viên xem thông tin giỏ hàng của mình
Đầu vào	Lựa chọn xem giỏ hàng
Xử lý	Truy cập CSDL lấy thông tin giỏ hàng của thành viên
Đầu ra	Thông tin về giỏ hàng

### 2.2.6.3. Cập nhật giỏ hàng

Mô tả	Thành viên cập nhật (thay đổi số lượng, xóa) sản phẩm trong giỏ hàng
Đầu vào	Lựa chọn cập nhật của thành viên
Xử lý	Truy cập CSDL lấy thông tin giỏ hàng của thành viên. Cập nhật thông tin thay đổi vào giỏ hàng
Đầu ra	Báo kết quả cập nhật

#### 2.2.6.4. Đặt mua hàng

Mô tả	Khách hàng đặt mua những gì đã có trong giỏ hàng của mình.
Đầu vào	Lựa chọn mua hàng, nhập thông tin người nhận hàng
Xử lý	Truy cập CSDL lưu thông tin mua và thông tin khách hàng vào hóa đơn.
Đầu ra	Thông tin về sản phẩm có trong hóa đơn.

#### 2.2.7. Thông tin phản hồi

Mô tả	Thành viên đưa ra các nhận xét đánh giá
Đầu vào	Nhập tiêu đề và nội dung góp ý nhận xét
Xử lý	Kiểm tra nội dung nếu hợp lệ thì lưu vào CSDL
Đầu ra	Thông tin phản hồi có trong danh sách chờ xử lý

#### 2.2.8. Đánh giá sản phẩm

Mô tả	Thành viên chấm điểm cho mỗi sản phẩm
Đầu vào	Lựa chọn mức điểm
Xử lý	Lưu thông tin điểm vào CSDL.
Đầu ra	Thông báo đánh giá sản phẩm thành công



## 2.2.9. Quản lý thông tin cá nhân

### 2.2.9.1. Xem thông tin cá nhân

Mô tả	Thành viên sau khi đăng nhập có thể xem thông tin cá nhân
Đầu vào	Lựa chọn xem thông tin cá nhân
Xử lý	Truy xuất CSDL lấy thông tin cá nhân
Đầu ra	Hiển thị thông tin cá nhân của thành viên

### 2.2.9.2. Cập nhật thông tin cá nhân

Mô tả	Thành viên sau khi đăng nhập thì có thể thực hiện thay đổi thông tin cá nhân
Đầu vào	Nhập thông tin muốn thay đổi
Xử lý	Kiểm tra xem thông tin thay đổi có hợp lệ không, nếu có thì lưu lại vào CSDL
Đầu ra	Hiển thị thông báo thay đổi thành công hoặc chưa được

### *2.2.9.3. Xem thông báo*

Mô tả	Xem thông báo từ website
Đầu vào	Lựa chọn xem thông báo
Xử lý	Truy cập CSDL lấy thông tin về thông báo
Đầu ra	Hiển thị danh sách thông báo, chi tiết thông báo

## **2.3 Chức năng của người quản trị hệ thống (Admin)**

### 2.3.1 Đăng nhập

Mô tả	Người quản trị hệ thống đăng nhập để thực hiện chức năng quản trị của mình
Đầu vào	Nhập tên sử dụng và mật mã
Xử lý	Kiểm tra nội dung thông tin nhập và tìm kiếm trong CSDL có kết quả phù hợp không
Đầu ra	Hiển thị thông báo đăng nhập thành công, chuyển tới trang quản trị hệ thống.

### 2.3.2 Đăng xuất

Mô tả	Người quản trị hệ thống đăng xuất tài khoản
Đầu vào	Lựa chọn đăng xuất
Xử lý	Truy xuất CSDL và kiểm tra xem đã thoát ra khỏi đăng nhập chưa
Đầu ra	Thông báo đăng xuất thành công hoặc yêu cầu thực hiện lại

### 2.3.3. Quản lý sản phẩm

#### 2.3.3.1. Xem thông tin

Mô tả	Xem thông tin sản phẩm, nhóm sản phẩm, danh mục kích thước
Đầu vào	Lựa chọn danh mục cần xem
Xử lý	Tìm kiếm trong CSDL
Đầu ra	Thông tin sản phẩm, nhóm sản phẩm, danh sách kích thước theo lựa chọn của người sử dụng

### 2.3.3.2. Cập nhật sản phẩm

Mô tả	Thêm, sửa, xóa thông tin sản phẩm
Đầu vào	Thông tin cập nhật
Xử lý	Kiểm tra thông tin cập nhật có thỏa mãn các điều kiện. Nếu đúng thì lưu thông tin thay đổi sản phẩm vào CSDL
Đầu ra	Thông báo cập nhật sản phẩm thành công

### 2.3.3.3. Cập nhật nhóm sản phẩm

Mô tả	Thêm, sửa, xóa thông tin về nhóm sản phẩm
Đầu vào	Thông tin cập nhật
Xử lý	Kiểm tra thông tin cập nhật có thỏa mãn các điều kiện. Nếu đúng thì lưu thông tin thay đổi sản phẩm vào CSDL
Đầu ra	Thông báo cập nhật nhóm sản phẩm thành công

#### 2.3.3.4. Cập nhật danh mục kích thước

Mô tả	Thêm, sửa, xóa thông tin về kích thước
Đầu vào	Thông tin cập nhật
Xử lý	Kiểm tra thông tin cập nhật có thỏa mãn các điều kiện. Nếu đúng thì lưu thông tin thay đổi sản phẩm vào CSDL
Đầu ra	Thông báo cập nhật kích thước thành công

#### 2.3.4. Quản lý thành viên

##### 2.3.4.1 Tìm kiếm thành viên

Mô tả	Tìm kiếm thông tin thành viên thông qua thông tin tìm kiếm (tên, email...)
Đầu vào	Thông tin tìm kiếm về thành viên
Xử lý	Kiểm tra thông tin nhập, tìm kiếm trong CSDL có thành viên nào phù hợp không
Đầu ra	Hiển thị thông tin thành viên tìm được, hoặc thông báo kết quả không tìm thấy thành viên

#### 2.3.4.2. Xem thành viên

Mô tả	Xem thông tin thành viên của website (theo thông tin chi tiết hoặc theo danh sách lựa chọn...)
Đầu vào	Kích chọn xem thông tin thành viên
Xử lý	Tìm kiếm trong CSDL theo lựa chọn
Đầu ra	Hiển thị thông tin thành viên hoặc danh sách thành viên tìm được

#### 2.3.4.3. Xử lý thành viên

Mô tả	Xử lý thông tin thành viên (tình trạng hoạt động, quyền sử dụng)
Đầu vào	Nhập thông tin xử lý
Xử lý	Kiểm tra thông tin nhập, lưu thay đổi vào CSDL
Đầu ra	Thông báo xử lý thành công. Gửi thông báo xử lý cho thành viên.

#### 2.3.4.4. Phản hồi cho thành viên

Mô tả	Gửi phản hồi, thông báo tới thành viên
Đầu vào	Kích chọn thành viên hoặc nhập email của thành viên cần thông báo. Nhập nội dung thông báo.
Xử lý	Kiểm tra thông tin nhập, lưu vào CSDL.
Đầu ra	Thông báo gửi thành công

#### 2.3.5. Quản lý hoá đơn:

##### 2.3.5.1. Xử lý hóa đơn

Mô tả	Người quản trị xem tất cả các đơn đặt hàng, cập nhật thông tin về đơn đặt hàng.
Đầu vào	Xem xét hoá đơn, chọn trạng thái cho hoá đơn: đã xử lý, đang xử lý, chưa xử lý.
Xử lý	Kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn, truy cập CSDL cập nhật các trạng thái cho hoá đơn.
Đầu ra	Thông báo chuyển thành công hoặc thông báo lỗi.

#### 2.3.5.2. Xử lý danh mục phương thức thanh toán

Mô tả	Chức năng này cho phép Admin xem, sửa các phương thức thanh toán
Đầu vào	Chọn xem phương thức thanh toán
Xử lý	Nhập thông tin cần thêm ,sửa ,xóa về phương thức thanh toán
Đầu ra	Hiển thị thông báo thay đổi thành công hoặc thông báo lỗi.

#### 2.3.6. Quản lý tin tức:

Mô tả	Quản trị xem,xóa,chỉnh sửa và cập nhật các tin tức trên WebSite.
Đầu vào	Xem nhóm tin và tin tức.
Xử lý	Truy cập CSDL để xem tin tức,cập nhật CSDL khi xóa,chỉnh sửa thêm vào tin tức mới.
Đầu ra	Hiển thị các tin tức sau khi được cập nhật. Hiển thị các tin tức cũ khác.



### 2.3.7. Quản lý phản hồi:

#### 2.3.7.1. Tiếp nhận và xử lý phản hồi

Mô tả	Chức năng này cho phép Admin xem, xử lý các phản hồi của thành viên.
Đầu vào	Chọn xem các phản hồi của thành viên.
Xử lý	Truy xuất CSDL lấy thông tin. Lưu lại các xử lý
Đầu ra	Hiển thị thông báo tình trạng của các phản hồi do thành viên gửi hoặc thông báo lỗi.

#### 2.3.7.2. Xem thông tin đánh giá sản phẩm

Mô tả	Xem điểm đánh giá của sản phẩm
Đầu vào	Chọn xem đánh giá
Xử lý	Truy xuất CSDL lấy thông tin
Đầu ra	Hiển thị điểm đánh giá, số lần đánh giá sản phẩm theo danh sách hoặc theo chi tiết từng sản phẩm

### 2.3.8. Báo cáo thống kê

#### 2.3.8.1. Xem báo cáo thống kê

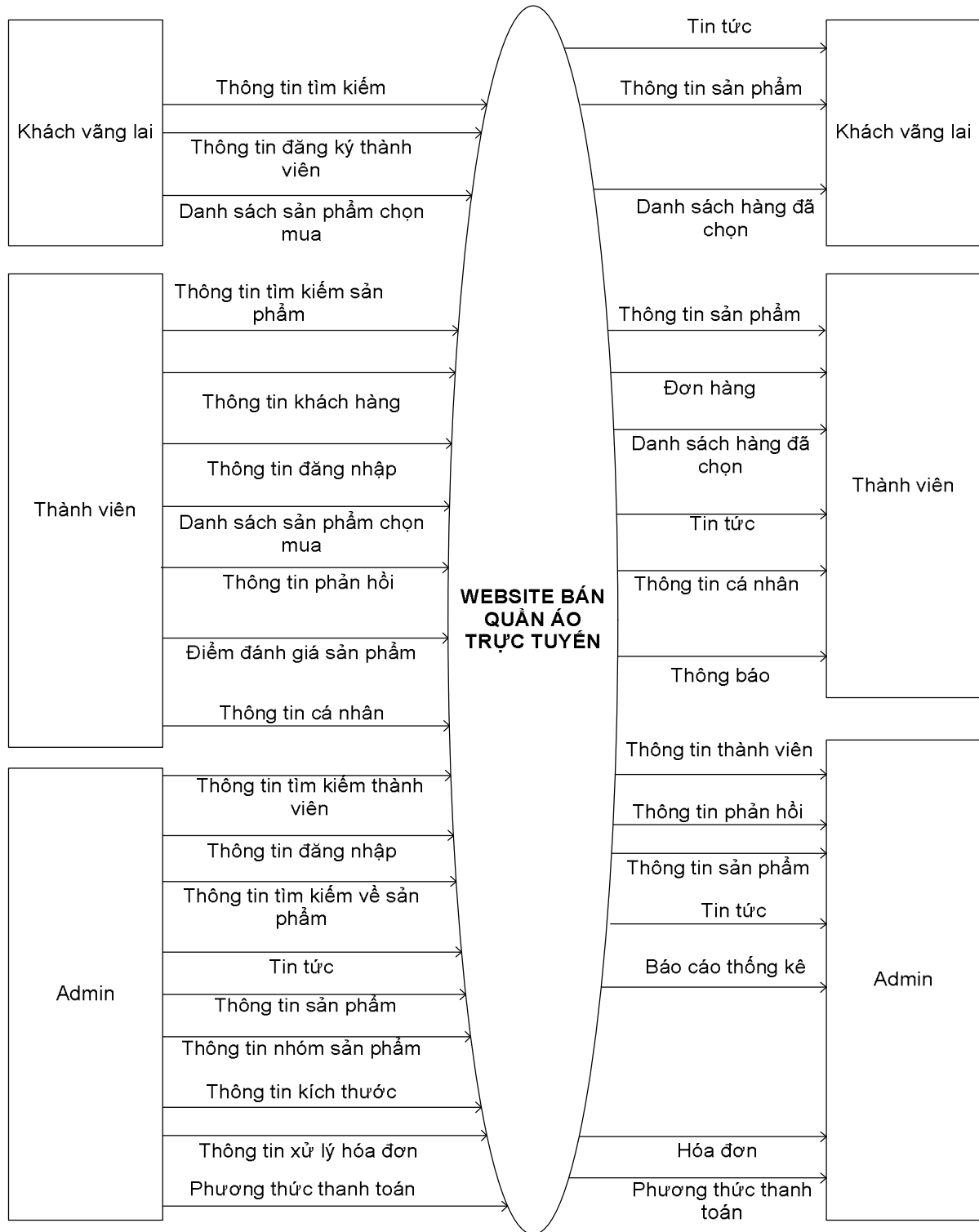
Mô tả	Chức năng này cho phép Admin xem các báo cáo, thống kê
Đầu vào	Chọn danh mục cần xem báo cáo thống kê
Xử lý	Truy xuất cơ sở dữ liệu lấy thông tin.
Đầu ra	Hiển thị báo cáo thống kê theo danh mục đã chọn

#### 2.3.8.2. Xử lý báo cáo thống kê

Mô tả	Chức năng này cho phép Admin xem các báo cáo, thống kê
Đầu vào	Chọn danh mục cần xem báo cáo thống kê
Xử lý	Truy xuất cơ sở dữ liệu lấy thông tin.
Đầu ra	Hiển thị báo cáo thống kê theo danh mục đã chọn

### 3. Sơ đồ luồng dữ liệu

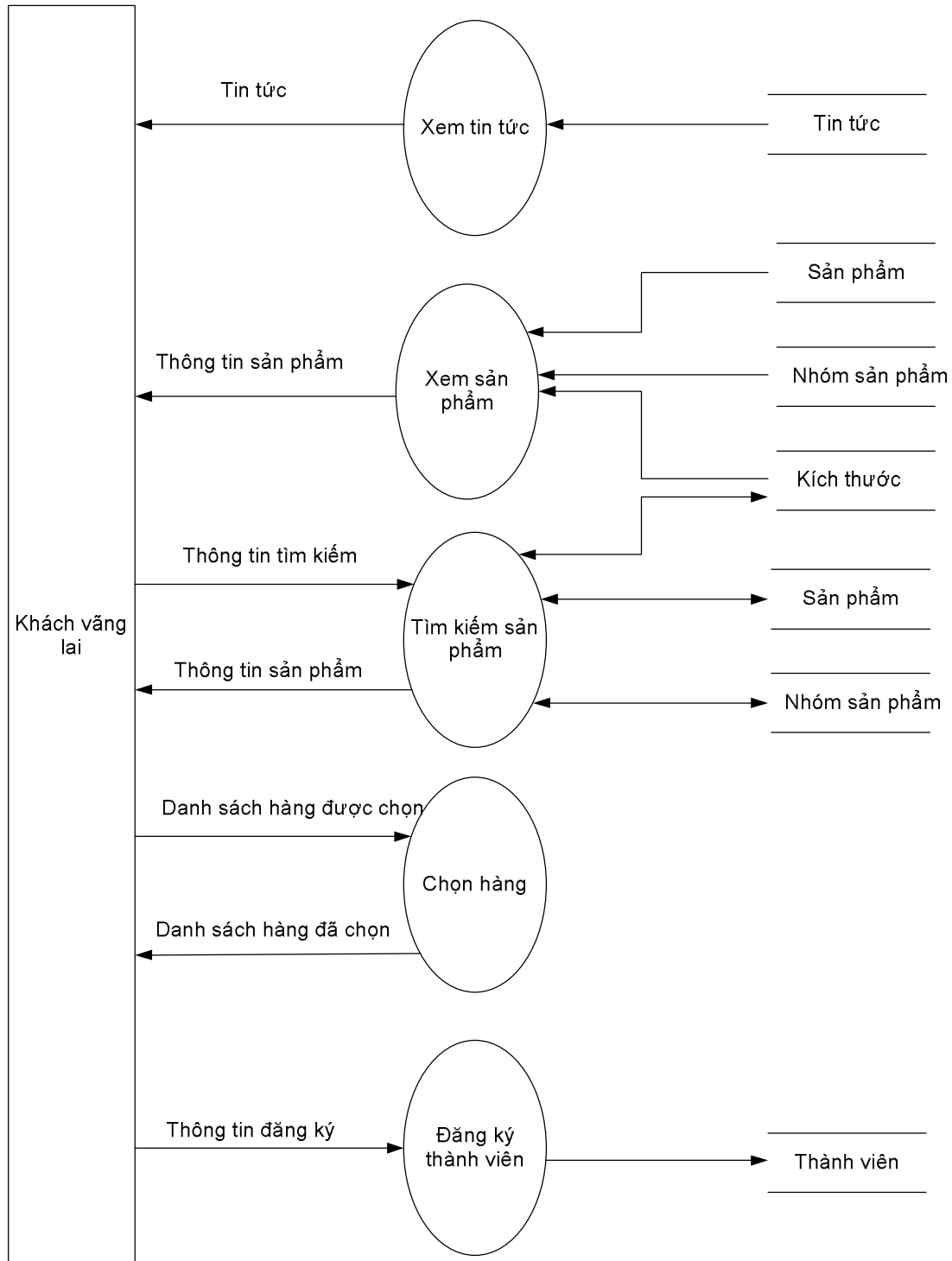
#### 3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu mức ngữ cảnh



Hình 4. Sơ đồ luồng dữ liệu mức ngữ cảnh

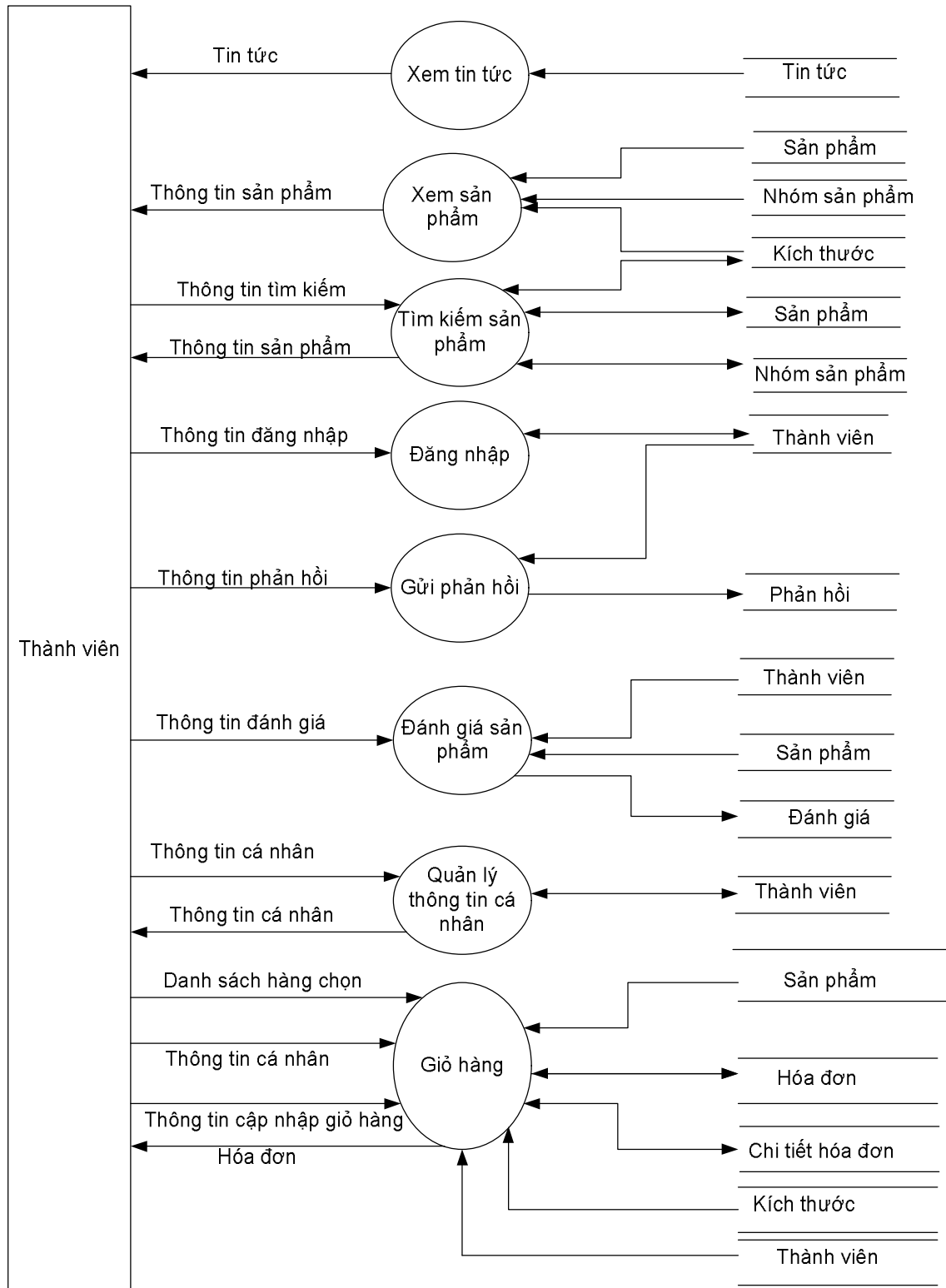
### 3.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh

#### 3.2.1. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh đối với khách vắng lại



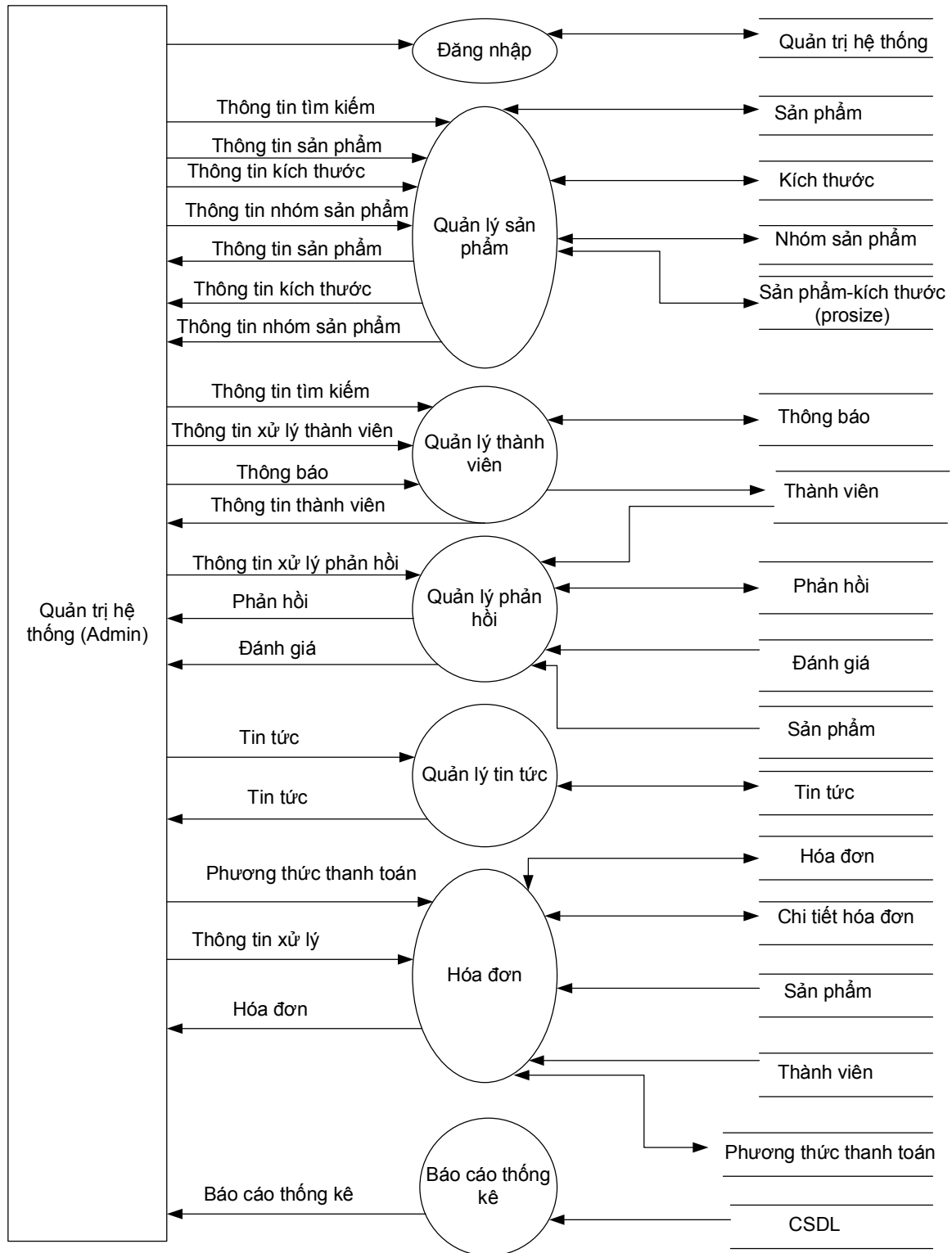
Hình 5. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh đối với khách vắng lại

### 3.2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh đối với thành viên



*Hình 6. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh đối với thành viên*

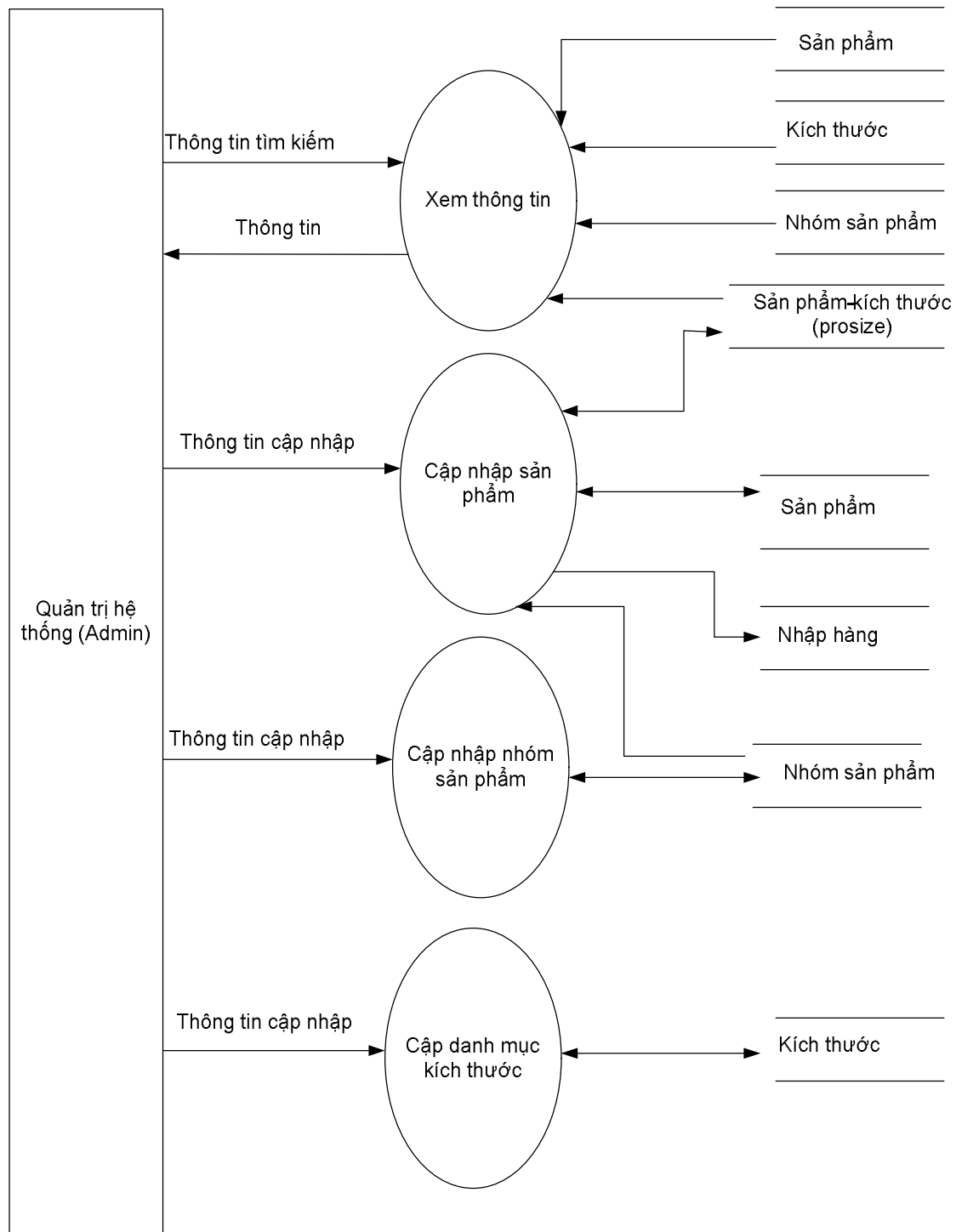
### 3.2.3. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh đối với Admin



Hình 7. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh đối với Admin

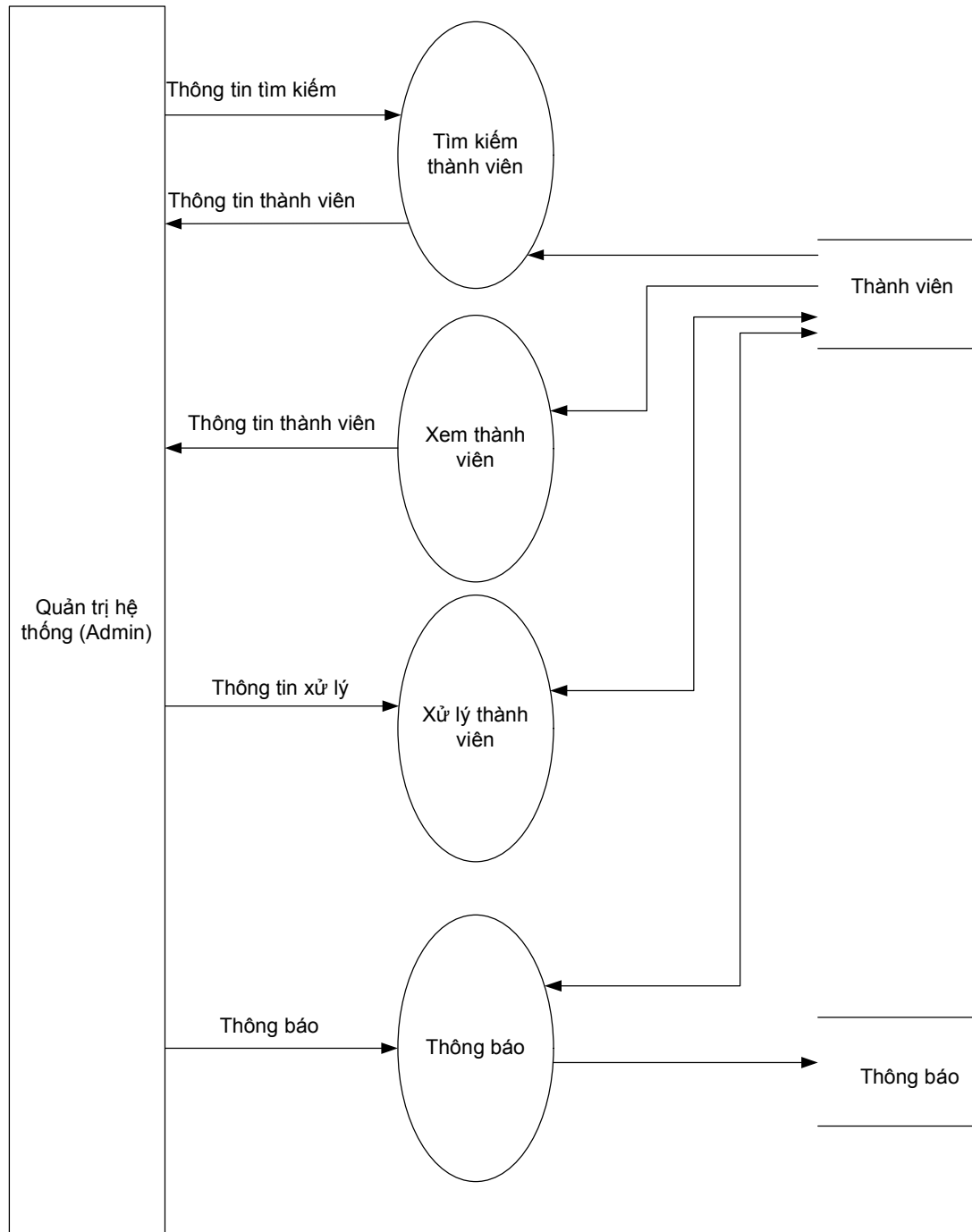
### 3.3 Sơ đồ luồng phân rã chức năng

#### 3.3.1. Sơ đồ luồng phân rã chức năng quản lý sản phẩm của Admin



Hình 8. Sơ đồ luồng phân rã chức năng quản lý sản phẩm của Admin

3.3.2. Sơ đồ luồng phân rã chức năng quản lý thành viên của Admin



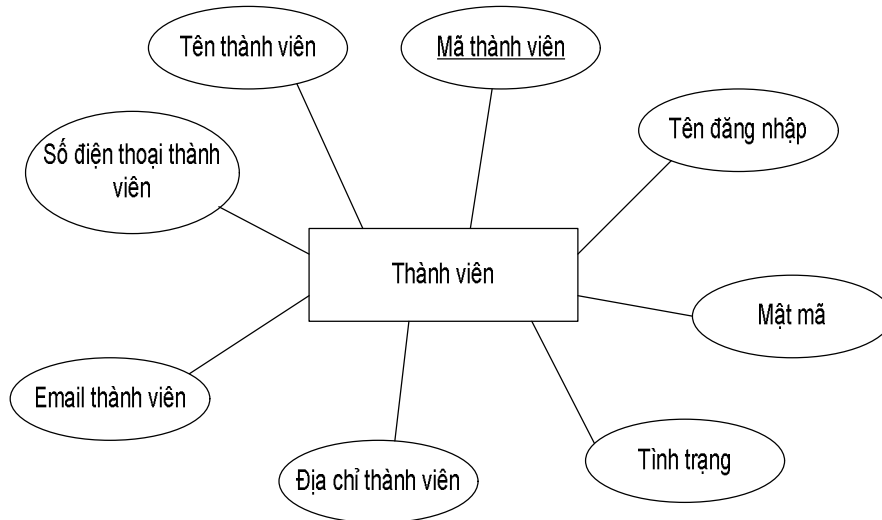
Hình 9. Sơ đồ luồng phân rã chức năng quản lý thành viên của Admin



## II. Mô hình thực thể liên kết

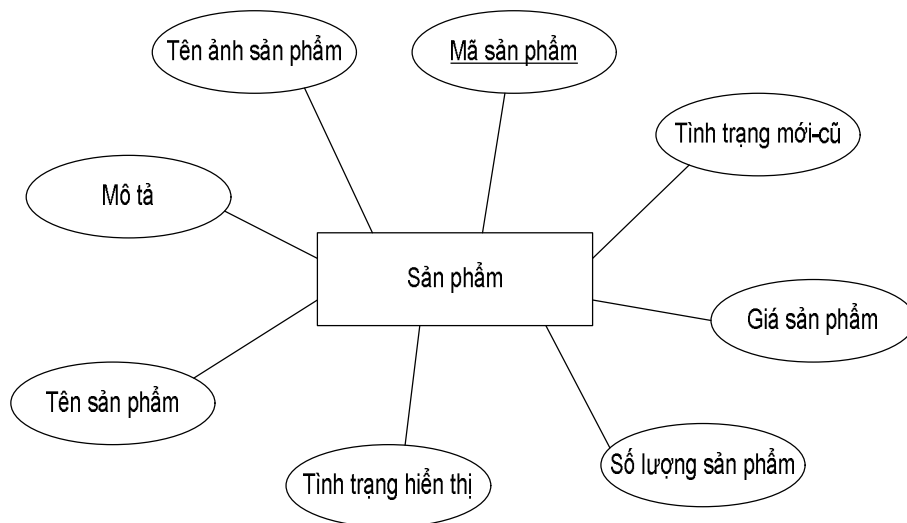
### 1. Các thực thể

- Thành viên



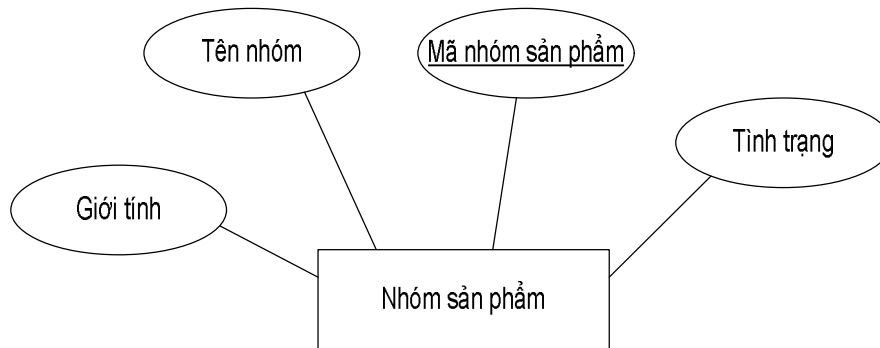
Hình 10. Thực thể Thành viên

- Sản phẩm



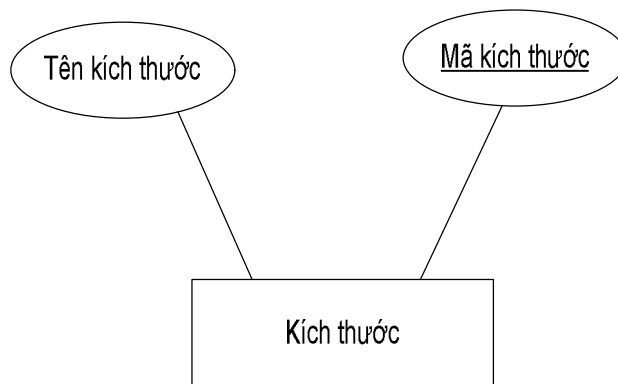
Hình 11. Thực thể sản phẩm

- Nhóm sản phẩm



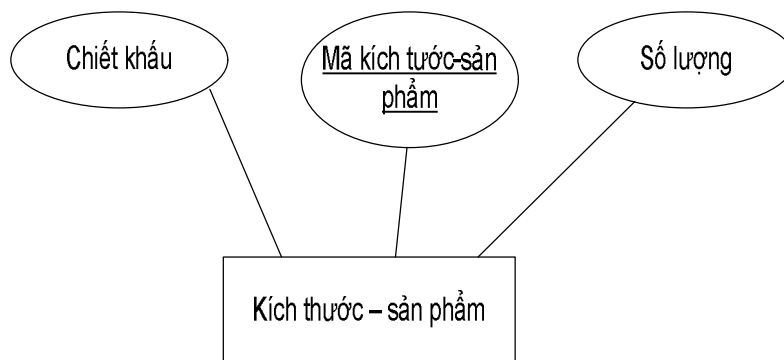
Hình 12. Thực thể nhóm sản phẩm

- Kích thước



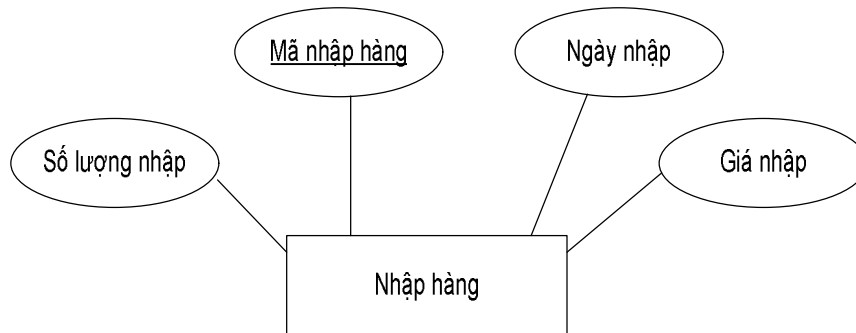
Hình 13. Thực thể kích thước

- Sản phẩm-kích thước



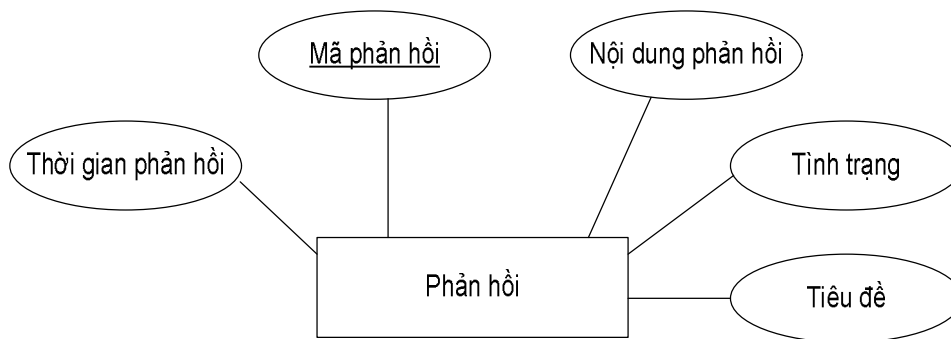
Hình 14. Thực thể Sản phẩm-kích thước

- Nhập hàng



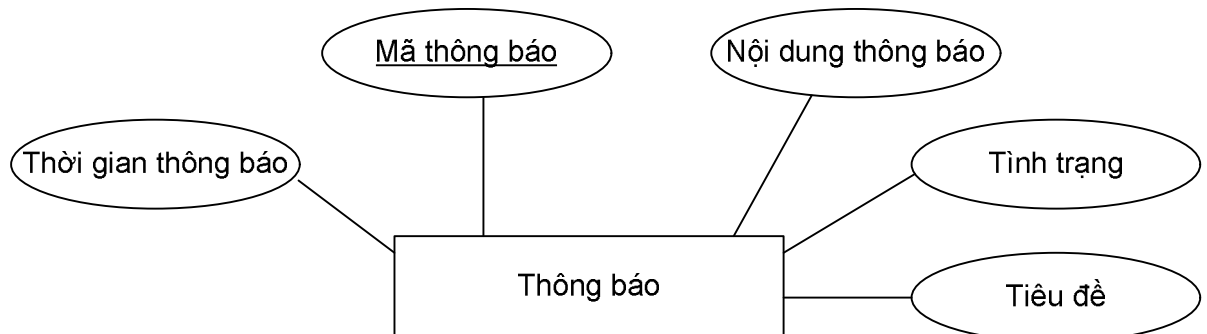
Hình 15. Thực thể Nhập hàng

- Phản hồi



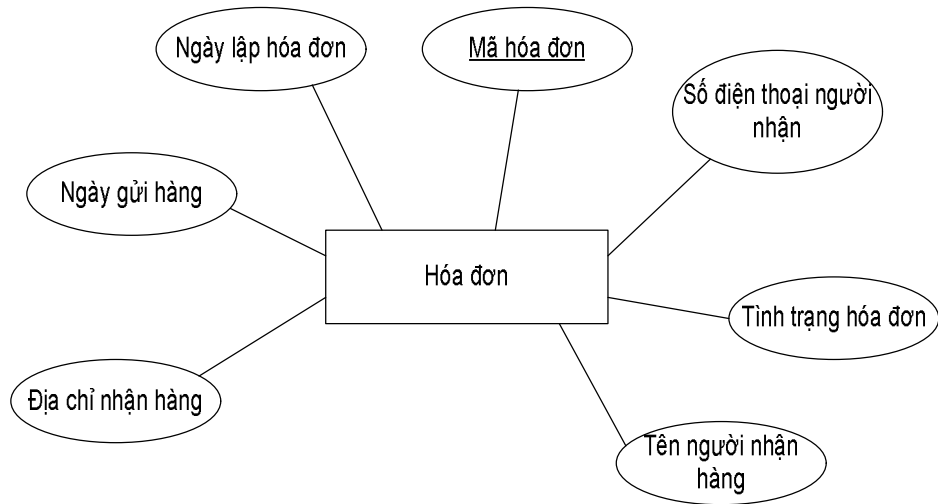
Hình 16. Thực thể Phản hồi

- Thông báo



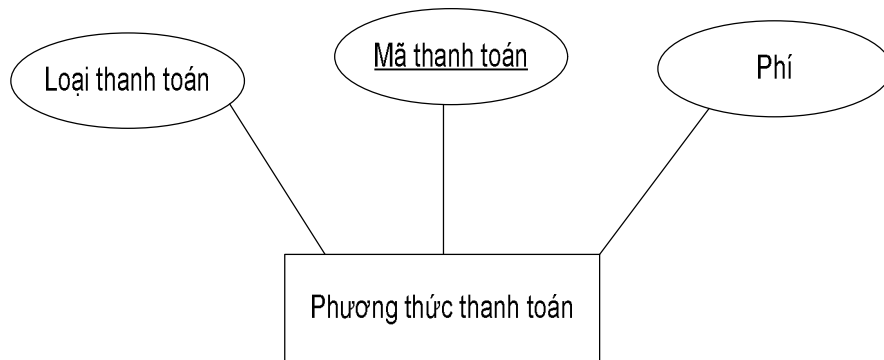
Hình 17. Thực thể Thông báo

- Hóa đơn



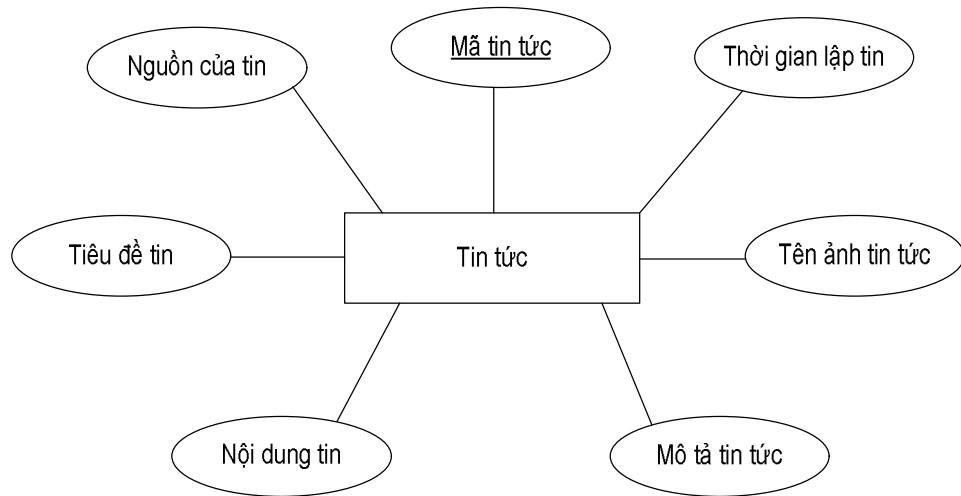
Hình 18. Thực thể Hóa đơn

- Phương thức thanh toán



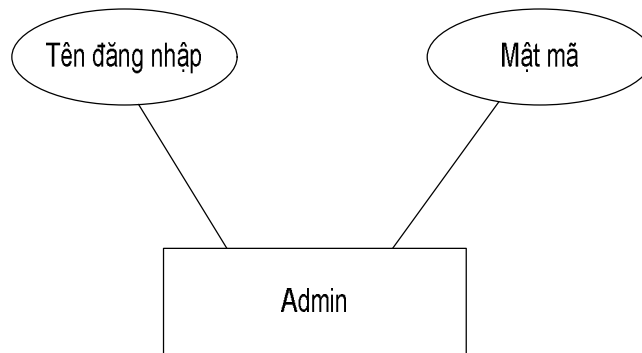
Hình 19. Thực thể Phương thức thanh toán

- Tin tức



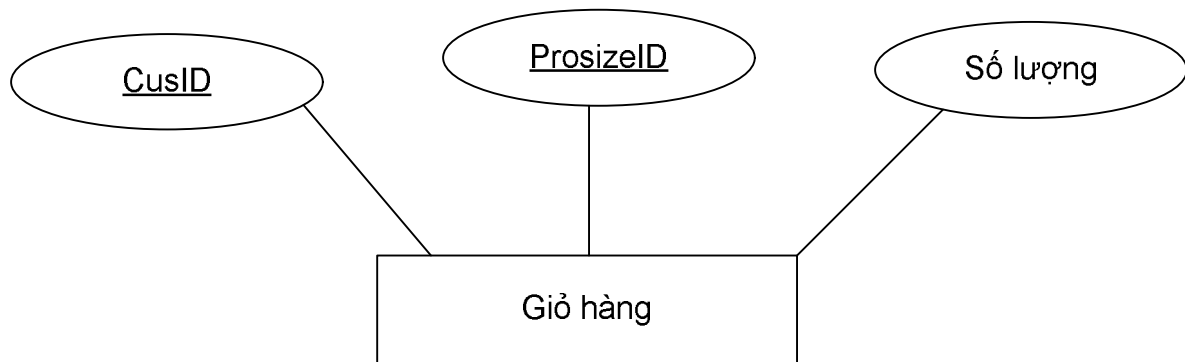
*Hình 20. Thực thể tin tức*

- Admin (quản trị hệ thống)



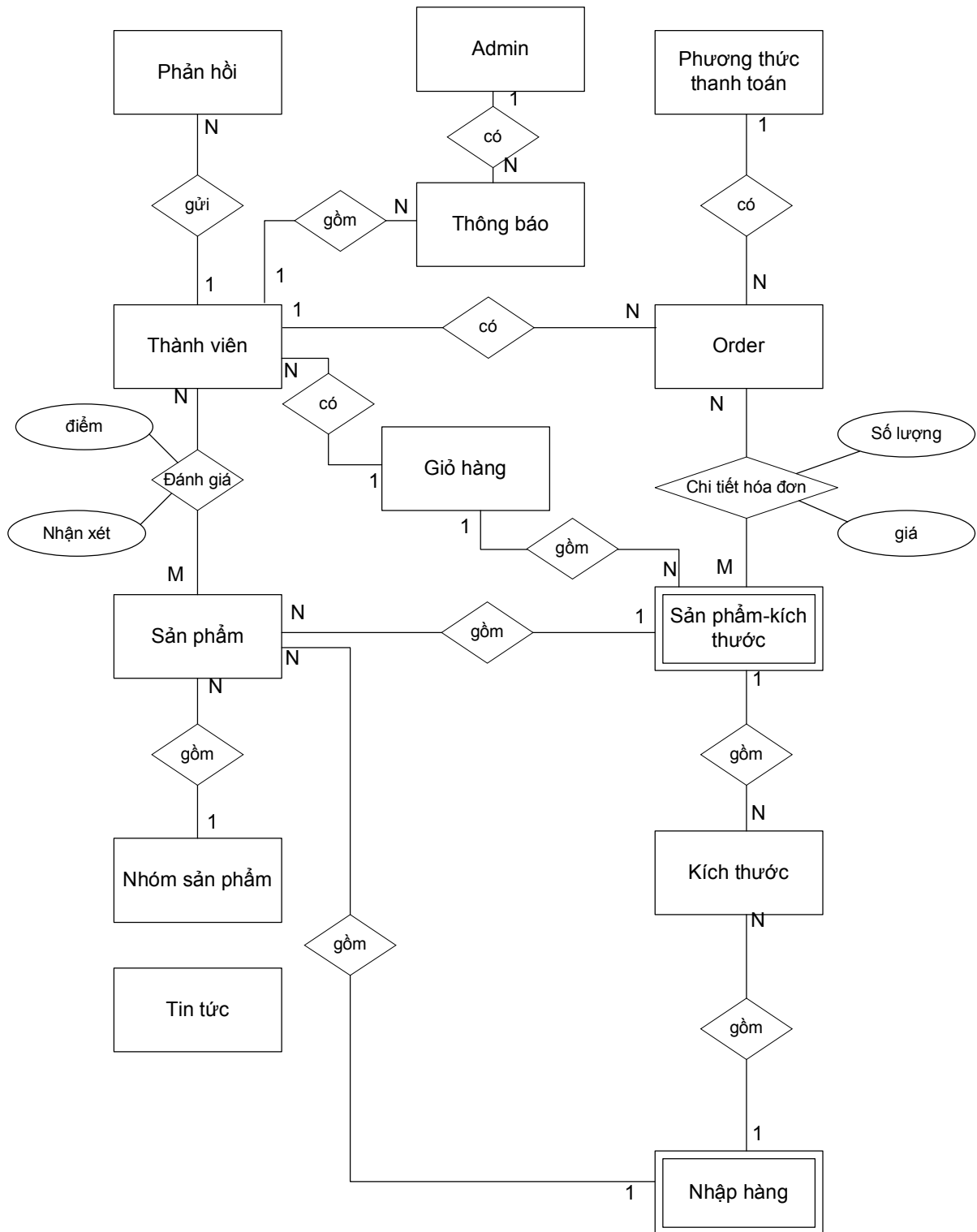
*Hình 21. Thực thể Admin*

- Giỏ hàng



*Hình 22. Thực thể Giỏ hàng*

## 2. Mô hình thực thể liên kết





### III. Thiết kế cơ sở dữ liệu

#### 1. Mô hình dữ liệu vật lý

+ Danh sách các bảng

Tên bảng	Mô tả
1. Admin	Lưu thông tin của Admin (tên đăng nhập, mật khẩu)
2. Customer	Lưu thông tin khách hàng (mã khách, tên đăng nhập, mật khẩu, tên khách hàng, điện thoại, địa chỉ, email, trạng thái hoạt động)
3. Product	Lưu thông tin sản phẩm (mã sản phẩm, tên sản phẩm, ảnh, giá bán, số lượng, tình trạng...)
4. Size	Danh sách kích thước sản phẩm (mã, tên kích thước)
5. ProSize	Lưu thông tin của sản phẩm ứng với kích thước (số lượng, giá khuyến mại...)
6. Import	Lưu thông tin nhập hàng (mã sản phẩm, mã kích thước, số lượng, giá tiền...)
7. Categories	Lưu thông tin nhóm sản phẩm (mã nhóm, tên nhóm, hiện trạng, giới tính)
8. Rate	Bảng đánh giá sản phẩm (điểm đánh giá, nhận xét về sản phẩm...)
9. Order	Lưu thông tin hóa đơn của mỗi khách hàng (mã hóa đơn, mã khách, ngày lập hóa đơn, ngày xử lý hóa đơn, tên người nhận, địa chỉ giao hàng, tình trạng hóa đơn...)
10. OrderDetail	Lưu thông tin chi tiết hóa đơn (mã hóa đơn, mã sản phẩm, số lượng sản phẩm, giá bán thực...)
11. PayMethod	Phương thức thanh toán (mã thanh toán, kiểu thanh toán)





12. Feedback	Lưu thông tin phản hồi của khách hàng (mã khách, tiêu đề, thời gian gửi phản hồi, nội dung...)
13. New	Bảng tin tức (tiêu đề, nội dung, ngày đăng tin, ảnh, nguồn tin, mô tả tin tức...)
14. Cart	Lưu thông tin giỏ hàng ứng với mỗi khách.
15. Notice	Lưu thông tin thông báo của Admin tới thành viên



+ Chi tiết các bảng

1. Table Admin: Bảng Nhân viên quản trị.

FieldName	Data Type	Data Length	Constraint	Description
<u>UserName</u>	varchar	30	Primary key	Tên đăng nhập.
Password	varchar	30	Not null	Mật khẩu.

2. Table Customer: Bảng Khách hàng.

FieldName	Data Type	Data Length	Constraint	Description
<u>CusID</u>	int		Primary key	Mã khách hàng.
CusUser	varchar	30	Unique key Not null	Tên đăng nhập.
CusPass	varchar	30	Not null	Mật khẩu.
CusName	varchar	150	Not null	Tên khách hàng.
CusPhone	char	20	Not null	Điện thoại của khách hàng.
CusAdd	varchar	500	Not null	Địa chỉ của khách hàng.
CusEmail	varchar	50	Not null	Email của khách hàng.
CusStt	int		Default: 1	Trạng thái (1: hoạt động, 0: ngừng hoạt động)



3. Table Product: Bảng Sản phẩm.

FieldName	Data Type	Data Length	Constraint	Description
<b><u>ProID</u></b>	int		Primary key Identity(1,1)	Mã sản phẩm
<b><i>CateID</i></b>	int	10	Foreign key Not null	Mã nhóm sản phẩm
ProName	varchar	150	Not null	Tên sản phẩm
ProPicName	varchar	200	Not null	Ảnh của sản phẩm
ProPrice	money		Not null	Giá bán của sản phẩm.
ProStt	int		Default: 1	Hiện trạng (1: hiện; 0: ẩn).
ProQuantity	int			Hiện trạng số lượng sản phẩm
ProStt2	int		Default: 1	Tình trạng của sản phẩm (1: mới, 0: cũ)
ProDesc	Text			Mô tả sản phẩm

**4. Table Size: Bảng kích thước.**

<b>FieldName</b>	<b>Data Type</b>	<b>Data Length</b>	<b>Constraint</b>	<b>Description</b>
<b><u>SizeID</u></b>	int		Primary key	Mã kích cỡ.
SizeName	varchar	20	Not null	Tên kích cỡ.

**5. Table ProSize: Bảng chi tiết sản phẩm – kích thước**

<b>Field Name</b>	<b>Data Type</b>	<b>Constraint</b>	<b>Note</b>	<b>Description</b>
<b><u>ProSizeID</u></b>	int	Primary key		Mã chi tiết sản phẩm – kích cỡ
<b><i>ProID</i></b>	int	Foreign key	unique	Mã sản phẩm
<b><i>SizeID</i></b>	int	Foreign key		Mã kích thước
Quantity	int			Số lượng sản phẩm ứng với kích thước tương ứng
Discount	Int		$0 \leq \text{Discount} < 100$	Phần trăm khuyến mại của sản phẩm

**6. Table Import: Bảng nhập hàng**

<b>FieldName</b>	<b>Data Type</b>	<b>Note</b>	<b>Constraint</b>	<b>Description</b>
<b>ImportID</b>	int		Primary key	Mã nhập hàng
<b>ProID</b>	int		Foreign key	Mã kích cỡ.
<b>SizeID</b>	int		Foreign key	Tên kích cỡ.
ImportDate	datetime			Ngày nhập hàng
ImportQuantity	int			Số lượng nhập
ImportPrice	int			Giá nhập

**7. Table Categories: Bảng nhóm sản phẩm.**

<b>FieldName</b>	<b>Data Type</b>	<b>Data Length</b>	<b>Constraint</b>	<b>Description</b>
<b><u>CateID</u></b>	Varchar	10	Primary key	Mã nhóm sản phẩm
CateName	varchar	50	Not null	Tên nhóm sản phẩm
CateStt	int		Default: 1	Hiện trạng(1: hiển thị, 0: ẩn)
Gender	int		Not null	Giới tính (1: nam, 0: nữ)

**8. Table Rate: Bảng đánh giá sản phẩm**

<b>Field Name</b>	<b>Data Type</b>	<b>Data Length</b>	<b>Constraint</b>	<b>Description</b>
<b><u>RateID</u></b>	int		Primary key	Mã đánh giá
<b><i>CusID</i></b>	int		Foreign key	Mã khách hàng
<b><i>ProID</i></b>	int		Foreign key	Mã sản phẩm
Mark	int		Default :1, Check value >=1 and <= 10, Not null	Điểm đánh giá sản phẩm
Comment	text			Nhận xét về sản phẩm
CommentDate	datetime		Default: current date, not null	Thời điểm đánh giá

**9. Table Order: Bảng Hóa đơn.**

<b>FieldName</b>	<b>Data Type</b>	<b>Data Length</b>	<b>Constraint</b>	<b>Description</b>
<b><u>OrdID</u></b>	int		Primary key	Mã hóa đơn.
<b><i>PayID</i></b>	int		Foreign key	Mã thanh toán
<b><i>CusId</i></b>	int		Foreign key	Tham chiếu đến bảng Customer.
OrdStt	int		Default:0,Not null.	Tình trạng hóa đơn (0: chưa xử lý; 1: đã xử lý)
OrdDate	date time		Default:current date,Not null	Ngày lập hóa đơn.
OrdShipDate	date time			Ngày xử lý hóa đơn
OrdCus	varchar	150		Tên người nhận hàng
OrdAdd	varchar	500		Địa chỉ giao hàng
OrdPhone	varchar	20		Số điện thoại của người nhận hàng

10. Table OrderDetail: Bảng Chi tiết hóa đơn.

Field Name	Data Type	Data Length	Constraint	Note	Description
<b>OrdID</b>	int		Foreign key	Primary key	Mã hóa đơn
<b>ProSizeID</b>	int		Foreign key		Mã chi tiết sản phẩm – kích cỡ
OrdQuantity	int		Default :1, Check value $\geq 1$ . Not null		Số lượng sản phẩm.
OrdPrice	money		Not null		Giá bán thực của sản phẩm.

11. Table PayMethod: Phương thức trả tiền

FieldName	Data Type	Data Length	Constraint	Description
<b><u>PayID</u></b>	int		Primary key	Mã thanh toán.
PayType	varchar	30		Kiểu thanh toán.
Cost	Int			Phí thanh toán



**12. Table Feedback: Bảng thông tin phản hồi**

<b>FieldName</b>	<b>Data Type</b>	<b>Data Length</b>	<b>Constraint</b>	<b>Description</b>
<b><u>FeedID</u></b>	int		Primary key.	Mã phản hồi.
<b><i>CusId</i></b>	int		Foreign key Not null	Tham chiếu đến bản Customer
FeedTitle	varchar	50	Not null	Tiêu đề của phản hồi.
FeedDate	datetime		Default:curent date,Not null	Thời gian gửi phản hồi.
FeedContent	text			Nội dung phản hồi.
FeedStt	int		Default :0	Trạng thái (1: xử lý, 0: chưa xử lý)

13. Table New: Bảng Tin tức.

FieldName	Data Type	Data Length	Constraint	Description
<b><u>NewID</u></b>	int		Primary key	Mã tin tức
NewTitle	varchar	200	Not null	Tiêu đề tin
NewDate	datetime		Default:current date,not null	Ngày đưa tin
NewContent	text		Not null.	Nội dung tin
NewPicName	varchar	200		Ảnh của tin tức
NewSource	varchar	50		Nguồn của tin tức
NewDesc	text			Mô tả tin tức

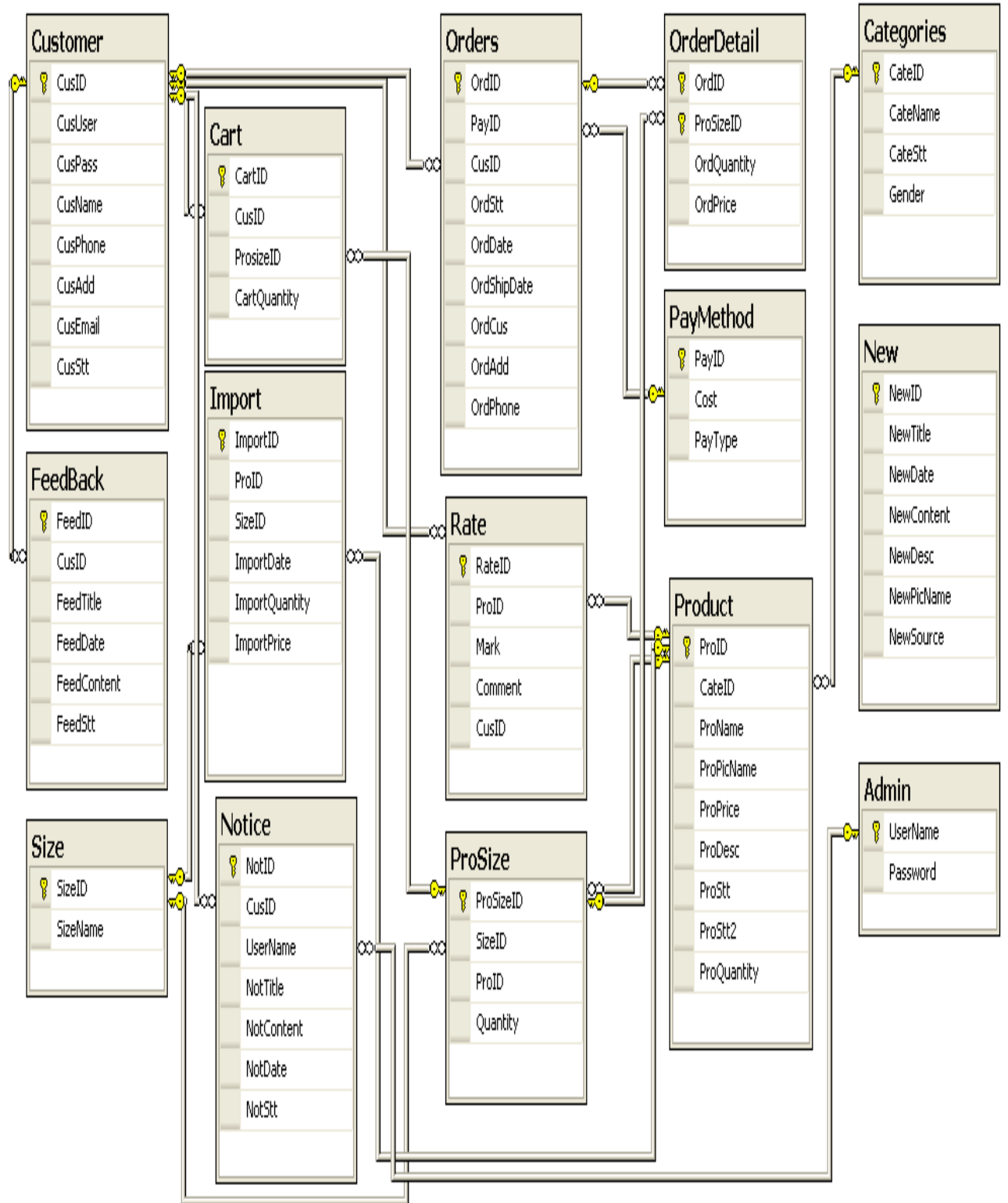
14. Table Cart: Bảng giỏ hàng

Field Name	Data Type	Data Length	Constraint	Note	Description
<b><u>CartID</u></b>	int		Primary key		Mã giỏ hàng
<b><i>CusID</i></b>	int		Foreign key	Unique key	Mã khách hàng
<b><i>ProSizeID</i></b>	int		Foreign key		Mã chi tiết sản phẩm – kích cỡ
CartQuantity	int		Default :1, Check value >=1. Not null		Số lượng sản phẩm.

15. Notice: Bảng thông báo

Field Name	Data Type	Constraint	Note	Description
<b><u>NotID</u></b>	int	Primary key		Mã thông báo
<b><i>CusID</i></b>	int	Foreign key		Mã thành viên
<b><i>UserName</i></b>	Varchar(30)	Foreign key		Tên đăng nhập Admin
NotTitle	Varchar(50)			Tiêu đề thông báo
NotContent	Text		0<=Discount <100	Nội dung thông báo
NotDate	Datetime			Ngày gửi thông báo
NotStt	int			Tình trạng của thông báo

## 2. Mô hình dữ liệu quan hệ



Hình 23. Mô hình dữ liệu quan hệ

## CHƯƠNG IV. XÂY DỰNG VÀ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

### *I. Ngôn ngữ xây dựng chương trình*

Chương trình xây dựng dựa trên ngôn ngữ lập trình PHP và cơ sở dữ liệu MySQL cũng một số ngôn ngữ lập trình web như HTM, JavaScript.

Cả PHP và MySQL đều là những công cụ rất phổ biến hiện nay để xây dựng hệ thống thương mại điện tử. Có nhiều tài liệu cũng như các diễn đàn được xây dựng ra nhằm mục đích chia sẻ, trao đổi những này. Chính vì thế em sẽ chỉ trình bày những điểm mạnh của PHP và MySQL, là lý do để sử dụng trong phần xây dựng chương trình. Có hai điểm đáng lưu ý:

- PHP dễ sử dụng, chi phí thấp, là mã nguồn mở nên không tốn tiền mua bản quyền. PHP có thể chạy trên các cơ sở dữ liệu không yêu cầu bản quyền như MySQL, PostgreSQL... PHP cũng có thể làm việc trên hầu hết các cơ sở dữ liệu hiện nay.

- MySQL là cơ sở dữ liệu được sử dụng cho các ứng dụng Web có quy mô vừa và nhỏ.

- Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì lựa chọn PHP và MySQL là một lựa chọn tốt, phù hợp với mức độ phức tạp, quy mô ứng dụng và chi phí bản quyền sử dụng mã nguồn.

- PHP là một kịch bản chạy trên phía trình chủ, chúng có phiên bản trên hệ điều hành Windows và cả Linux. Tương ứng với kịch bản này, cơ sở dữ liệu MySQL cũng có hai phiên bản tương tự. Điều này có nghĩa rằng nếu viết PHP và MySQL trên môi trường Windows thì có thể triển khai chúng trên môi trường Linux.

## II. Thiết kế chương trình

### 1. Một số chức năng chính của thành viên

#### 1.1. Xem sản phẩm

##### 1.1.1. Hiện thị danh sách sản phẩm chung

- Dữ liệu vào: Lựa chọn danh mục “Sản Phẩm” trên Menu.
- Dữ liệu ra: danh sách sản phẩm bao gồm tên sản phẩm, ảnh sản phẩm (thu nhỏ), giá bán của sản phẩm, điểm đánh giá của sản phẩm
- Xử lý: Truy vấn cơ sở dữ liệu, lấy thông tin từ bảng Product, Rate và hiển thị ra trình duyệt

```
$sql_product = "select * from product where ProStt=1 order by proid desc";  
$sql_mark = "select AVG(Mark) from Rate where ProID=" . $pid . "group by  
ProID; /* lấy trung bình điểm đánh giá của sản  
phẩm */
```

##### 1.1.2. Hiện thị danh sách sản phẩm trong một nhóm

- Dữ liệu vào: kích chọn tên nhóm sản phẩm trong danh mục nhóm sản phẩm.
- Dữ liệu ra: danh sách sản phẩm thuộc nhóm đã chọn.
- Xử lý: lấy CateID thông qua việc chọn nhóm sản phẩm của khách hàng. Truy cập vào bảng Product, lựa chọn những sản phẩm có CateID vừa lấy được. Truy cập vào bảng Rate để lấy Mark của các sản phẩm tìm được.

```
$cid = $_REQUEST['cid']; // $cid lưu giá trị của CateID  
$sql_cate = "select * from Categories where CateStt = 1 and CateID = ".$cid;  
$sql_product = "select * from product where prostd =1 and CateID = ".$cid."  
order by proid desc";
```

`$sql_mark = "select AVG(Mark) from Rate where ProID=" . $pid . "group by ProID;`

### 1.1.3. Hiện thị chi tiết sản phẩm

- Dữ liệu vào: lựa chọn sản phẩm của khách hàng, thông qua click chuột vào tên sản phẩm hoặc hình ảnh sản phẩm.

- Dữ liệu ra: hiển thị chi tiết về sản phẩm, bao gồm: tên, hình ảnh, giá bán, mô tả sản phẩm, điểm đánh giá sản phẩm, danh sách kích thước của sản phẩm, lựa chọn mua hàng.

- Xử lý: lấy giá trị ProID, truy vấn bảng Product lấy ra thông tin chi tiết của sản phẩm, truy vấn bảng ProSize lấy ra các kích thước mà sản phẩm có được, truy vấn bảng Rate lấy điểm đánh giá sản phẩm

```
$proid=$_REQUEST['proid'];           // lấy giá trị ProID
$sql="select * from product where proid=".$proid;
$sql2 = "select * from ProSize where Prold = ".$proid;
$sql_mark = "select AVG(Mark) from Rate where ProID=" . $pid . "group by ProID;
```

## **1.2. Tìm kiếm sản phẩm**

### 1.2.1. Tìm kiếm theo tên

- Dữ liệu vào: lựa chọn danh mục tìm kiếm theo tên, nhập tên cần tìm.

- Dữ liệu ra: hiển thị kết quả thông báo tìm kiếm. Nếu tìm kiếm thành công thì hiển thị danh sách các sản phẩm đã tìm được.

- Xử lý: truy cập bảng Product để tìm kiếm bản ghi có tên phù hợp. Lấy thông tin sản phẩm tìm được từ các bảng Product, Prosize, Rate.

```
// tìm kiếm sản phẩm theo tên //
```

```
$sql = "select * from Product where ProName = " . $proname;
```

### 1.2.2. Tìm kiếm theo giá tiền

- Dữ liệu vào: kích chọn danh mục tìm kiếm theo giá tiền, lựa chọn mức giá tiền.

- Dữ liệu ra: danh sách sản phẩm có giá tiền nằm trong mức giá đã chọn.

- Xử lý: lấy giá trị lựa chọn. Truy cập bảng Product tìm kiếm sản phẩm có giá tiền nằm trong mức chọn. Truy cập các bảng Product, Prosize, Rate lấy thông tin chi tiết sản phẩm, kích cỡ, đánh giá của sản phẩm để hiển thị ra

```
// lấy giá trị chọn lựa mức giá
$choice = $_REQUEST['choice'];
//tìm kiếm sản phẩm theo giá trị chọn lựa
switch($choice)
{
    case 1 : $sql="select * from product where ProPrice > 0 and ProPrice
<=200 order by proprice desc";
        break;
    case 2 : $sql="select * from product where ProPrice > 500 and
ProPrice <= 1000000 order by ProPrice desc";
        break;
    case 3 : $sql="select * from product where ProPrice > 1000000 order
by ProPrice desc";
        break;
}
```

## **1.3. Đăng nhập và đăng xuất**

### 1.3.1. Đăng nhập

- Đầu vào: click chuột vào danh mục đăng nhập. Nhập user và password của thành viên

- Đầu ra: thông báo đăng nhập thành công hoặc thất bại



- Xử lý: lấy giá trị user và password của khách hàng nhập vào, so sánh với hai trường UserName và Password trong bảng Customer xem có thực thể nào thỏa mãn không. Nếu có thì thông báo đăng nhập thành công, lưu thông tin vào session, chuyển trang. Nếu không thì thông báo nhập lại hoặc đăng ký làm thành viên mới

```
<?php
$CusUser=$_REQUEST['CusUser'];
$CusPass=$_REQUEST['CusPass'];

$sql="Select * from Customer where CusUser='".$CusUser.'" and
CusPass='".$CusPass.'";
$rs=mysql_query($sql,$cnn);
while($row=mysql_fetch_array($rs)){
    $_SESSION["flag"] = "true";
    $_SESSION["CusUser"] = $_REQUEST["CusUser"];
    $_SESSION["CusName"] = $row["CusName"];
    $_SESSION["CusID"] = $row["CusID"];
    $flag=true;
}
if($flag)
{
    Redirect("index.php?go=myaccount");
    else Redirect("index.php?go=index");
}
else
{
    $_SESSION["CusUser"] = "";
    Redirect("index.php?go=login&err=1");
}
```

?>

### 1.3.2. Đăng xuất

- Đầu vào: click chuột vào lựa chọn đăng xuất
- Đầu ra: thông báo đăng xuất thành công
- Xử lý: xóa session lưu thông tin thành viên

```
<?php
    $_SESSION["flag"] = "false";
    $_SESSION["CusUser"] = "";
    $_SESSION["CusName"] = "";
    $_SESSION["CusID"] = 0;
    $flag=false;
?>
```

## **1.4. Quản lý thông tin cá nhân**

### 1.4.1. Xem thông tin cá nhân

- Đầu vào: sau khi đăng nhập, thành viên click chuột vào danh mục “Tài khoản” trên menu, hoặc click chuột vào tên thành viên được hiển thị phía đầu trang.
- Đầu ra: hiển thị thông tin cá nhân của thành viên, thông báo của website tới thành viên (nếu có)
- Xử lý: lấy CusID của thành viên thông qua Session. Tìm kiếm thông tin thành viên trong bảng Customer để hiển thị tên đăng nhập, họ tên thành viên, số điện thoại, địa chỉ, email, quyền sử dụng. Tìm kiếm thông báo trong bảng Notice thông qua CusID.

```
// lấy giá trị CusID từ Session
$CusID = $_SESSION['CusID'];
// lấy thông tin thành viên
$sql = "select * from customer where CusID = " . $CusID;
// lấy thông báo
$sql_notice = "select NotContent from Notice where CusID = ". $CusID;
```

#### 1.4.2. Thay đổi thông tin thành viên

- Đầu vào: sau khi đã đăng nhập và lựa chọn xem thông tin tài khoản từ danh mục “Tài khoản” trên menu, thành viên click chuột vào nút “Sửa thông tin”. Nhập thông tin cần thay đổi

- Đầu ra: thông tin thay đổi của khách hàng được lưu lại vào cơ sở dữ liệu

- Xử lý: lấy CusID, truy cập vào bảng Customer, tìm kiếm thực thể tương ứng. Kiểm tra thông tin nhập vào có hợp lệ? Cập nhật thông tin thay đổi của thành viên vào bảng. Báo thay đổi thông tin thành công

```
<? session_start() ?>
<?
    $action = $_REQUEST['action'];
    $CusID = $_REQUEST['cid'];
    $sql="select * from customer where CusID = ".$CusID;
    $re=mysql_query($sql,$cn);
    $row=mysql_fetch_array($re);

    if($action=='update')
    {
        $CusName_ud = $_REQUEST['CusName_ud'];
        if($CusName_ud=="") { $CusName_ud = $row['CusName']; }
        $_SESSION['CusName'] = $CusName_ud;
        $CusUser_ud = $_REQUEST['CusUser_ud'];
```

```
        if($CusUser_ud=="") { $CusUser_ud = $row['CusUser']; }
        $CusPhone_ud = $_REQUEST['CusPhone_ud'];
        if($CusPhone_ud=="") { $CusPhone_ud =
        $row['CusPhone']; }
        $CusAdd_ud = $_REQUEST['CusAdd_ud'];
        if($CusAdd_ud=="") { $CusAdd_ud = $row['CusAdd']; }
        $CusEmail_ud = $_REQUEST['CusEmail_ud'];
        if($CusEmail_ud=="") { $CusEmail_ud = $row['CusEmail']; }
        $sql_ud = "UPDATE Customer SET CusUser = '$CusUser_ud',
        CusName='$CusName_ud', CusPhone = '$CusPhone_ud', CusAdd = '$CusAdd_ud',
        CusEmail = '$CusEmail_ud' WHERE CusID = ".$row['CusID'];
        $re_ud = mysql_query($sql_ud,$cnn);
        Redirect('index.php?go=myaccount');
    }
?>
```

#### d. Thay đổi mật khẩu thành viên

- Đầu vào: lựa chọn thay đổi mật khẩu của thành viên, thông qua click chuột vào link
- Đầu ra: thay đổi password thành công
- Xử lý: tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu thực thể có CusID tương ứng, kiểm tra thông tin thay đổi có hợp lệ hay không, sau đó lưu lại vào cơ sở dữ liệu.

<?

```
$action = $_REQUEST['action'];
$CusID=$_REQUEST['cid'];
$oldpass=$_REQUEST['oldpass'];
$newpass=$_REQUEST['newpass'];
$sql="select * from customer where CusID=".$CusID;
$re=mysql_query($sql,$cnn);
$row=mysql_fetch_array($re);
```



```
if($action=='update'){
    if($oldpass==$row['CusPass'])
    {
        $sql_ud = "update Customer set CusPass = '$newpass'
where CusID = ".$CusID;
        $re_ud = mysql_query($sql_ud,$cnn);
        echo ("<script>alert('Đổi mat khau thanh
cong');</script>");
        Redirect('?go=myaccount');
    }else echo ("<script>alert('Mat khau cu khong dung');</script>");
}
?>
```

## **1.5. Chức năng mua hàng**

### 1.5.1. Chọn hàng

- Đầu vào: kích chọn mua sản phẩm trong phần hiển thị chi tiết sản phẩm. Chọn lựa kích thước cần mua, số lượng sản phẩm cần mua
- Đầu ra: lưu thông tin sản phẩm vào giỏ hàng. Hiển thị giỏ hàng.
- Xử lý: lấy ProID, SizeID, Quantity thông qua lựa chọn sản phẩm của khách hàng. Tìm kiếm thông tin trong bảng ProSize so sánh số lượng sản phẩm đang có với số lượng sản phẩm đặt mua. Nếu hàng còn thì lưu thông tin trên vào giỏ hàng.

### 1.5.2. Mua hàng:

- Đầu vào: danh sách sản phẩm lưu trong giỏ hàng, thông tin khách hàng
- Đầu ra: thông báo đặt mua thành công



- Xử lý: kiểm tra thông tin khách hàng, ngày nhận hàng... có hợp lệ hay không, nếu hợp lệ thì lưu thông tin vào bảng Order và OrderDetails. Thông báo mua thành công.

## ***2. Một số chức năng chính của khách vãng lai***

Khách vãng lai có các chức năng xem sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, chọn hàng giống như thành viên. Ngoài ra khách vãng lai có chức năng đăng ký thành viên như sau:

- Đầu vào: lựa chọn đăng ký thành viên. Nhập thông tin cá nhân
- Đầu ra: thông báo đăng ký thành viên thành công hoặc báo lỗi của thông tin nhập
- Xử lý: kiểm tra thông tin nhập. Nếu thông tin hợp lệ thì lưu mới một bản ghi vào bảng Customer.

<?

```
$CusUser=$_REQUEST['CusUser_dk'];
$CusPass=$_REQUEST['CusPass_dk'];
$CusName=$_REQUEST['CusName_dk'];
$CusPhone=$_REQUEST['CusPhone_dk'];
$CusAdd=$_REQUEST['CusAdd_dk'];
$CusEmail=$_REQUEST['CusEmail_dk'];

$sql = "INSERT INTO customer(CusUser,CusPass,CusName,
CusPhone,CusAdd,CusEmail,CusStt)
VALUES('".$CusUser."', '".$CusPass."', '".$CusName."', '".$CusPhone."',
'".$CusAdd."', '".$CusEmail."', 1)";
$re = mysql_query($sql,$cnn);
$sql2="Select Max(CusID) MaxCusID from Customer ";
$re2=mysql_query($sql2,$cnn);
```

---



```
$row_cID=mysql_fetch_array($re2);
$CusID=$row_cID['MaxCusID'];
if($re){
    echo('Chuc mung ban dang ky thang cong');
    $_SESSION['CusUser']=$CusUser;
    $_SESSION['CusName']=$CusName;
    Redirect('?go=index');
}
?>
```

### 3. Một số chức năng chính của Admin

#### 3.1 Quản lý sản phẩm

##### 3.1.1. Thêm sản phẩm:

- Đầu vào: nhập thông tin đầy đủ cho sản phẩm.
- Đầu ra: thông báo nhập sản phẩm thành công.
- Xử lý: yêu cầu nhập tên sản phẩm, chọn lựa nhóm sản phẩm, nhập ảnh sản phẩm, mô tả sản phẩm, giá nhập sản phẩm, kích thước của sản phẩm. Lưu thông tin nhập vào các bảng Product, ProSize.

```
<?php
$re= mysql_query("select * from Categories",$cnn);
$action = $_REQUEST['action'];
if($action=='add')
{
    $total_quantity = 0;
    $ProName = $_REQUEST['ProName'];
    $CateID = $_REQUEST['CateID'];
    $ProDesc = $_REQUEST['ProDesc'];
    $ProPrice = $_REQUEST['ProPrice'];
    $ProPicName = basename($_FILES['ProPicName']['name']);
    $ProDate = date("y/m/d");
```



```
$ProStt = $_REQUEST['ProStt'];
$ProStt2 = $_REQUEST['ProStt2'];

move_uploaded_file($_FILES['ProPicName']['tmp_name'], "../image/AnhSP/".$_FILES['ProPicName']['name']);

$sql = "Insert into Product(CateID, ProName, ProDesc,
ProPrice, ProDate, ProStt, ProPicName, ProStt2)
values('".$CateID."','".$ProName."','".$ProDesc."','".$ProPrice."','".$ProDate."','".$ProStt."','".$ProPicName."','".$ProStt2."')";
$re1 = mysql_query($sql,$cnn);

$size_list = $_REQUEST['SizeList'];
$sql="Select Max(ProID) MaxProID from product ";
$re=mysql_query($sql,$cnn);
$row_pID=mysql_fetch_array($re);
$pID=$row_pID['MaxProID'];

$sql=mysql_query("Select * from Size where SizeID
in('".$size_list."')",$cnn);

while($row=mysql_fetch_array($sql))
{
    $SizeID=$row['SizeID'];
    $Quantity = $_REQUEST['Quan_'.$SizeID];
    $total_quantity += $Quantity;
    $sql_add = "INSERT INTO
ProSize(ProID,SizeID,Quantity) values('$pID','$SizeID','$Quantity')";
    mysql_query($sql_add,$cnn);
}
$re3 = mysql_query("update Product set ProQuantity =
'$total_quantity' where ProID = ".$pID,$cnn);
```



```
        if($re3) {  
            echo('<script>alert("San pham da duoc nhap");</script>');  
            Redirect("?go=productaddnew");  
        }  
    }
```

#### 3.1.2. Sửa sản phẩm

- Đầu vào: lựa chọn sản phẩm cần thay đổi thông tin, nhập thông tin thay đổi
- Đầu ra: lưu thông tin thay đổi vào cơ sở dữ liệu
- Xử lý: lấy ProID, thay đổi thông tin trong bảng Product, ProSize với điều kiện thông tin là hợp lệ.

#### 3.1.3. Thêm kích thước

- Đầu vào: lựa chọn nhập kích thước. Nhập tên kích thước
- Đầu ra: thông báo lưu kích thước thành công
- Xử lý: lưu thông tin kích thước vào bảng Size

```
$action = $_REQUEST['action'];  
if($action == 'add'){  
    $SizeName = $_REQUEST['SizeName'];  
    $sql = "insert into Size(SizeName) values ('".$SizeName."')";
```

#### 3.1.4. Sửa kích thước

- Đầu vào: lựa chọn kích thước cần thay đổi thông tin
- Đầu ra: thông báo thay đổi thành công

- Xử lý: lấy mã kích thước SizeID cần thay đổi. Kiểm tra thông tin thay đổi có phù hợp không. Lưu thay đổi vào cơ sở dữ liệu

```
<?php
    $action = $_REQUEST['action'];
    $sid = $_REQUEST['sid'];
    $re = mysql_query("select * from Size where SizeID='".$sid,$cnn);
    $row = mysql_fetch_array($re);
    if($action=='update')
    {
        $sizeName = $_REQUEST['SizeNameUpdate'];
        $re2 = mysql_query("UPDATE Size SET SizeName =
'$sizeName' WHERE SizeID = '".$sid,$cnn);
        Redirect('admin.php?go=sizelist');
    }
?>
```

### 3.1.5 Thêm nhóm sản phẩm

- Đầu vào: lựa chọn thêm nhóm sản phẩm. Nhập thông tin đầy đủ về nhóm.

- Đầu ra: thông báo nhập thành công hoặc yêu cầu kiểm tra lại những thông tin chưa hợp lệ.

- Xử lý: kiểm tra dữ liệu nhập. Truy cập bảng Categories lưu mới một bản ghi.

```
$sql = "insert into categories(CateName,Gender,CateStt)
values('".$catename."','".$gender."','".$catestt."");"
```

## **3.2. Quản lý hóa đơn**

### 3.2.1. Xem danh sách hóa đơn

- Đầu vào:

- Đầu ra: danh sách tất cả các hóa đơn



- Xử lý: truy nhập thông tin từ bảng Order, Customer hiển thị thông tin hóa đơn và khách hàng.

```
$sql_ord="Select orders.*,CusName from orders , customer where  
orders.CusID=Customer.CusID ";
```

### 3.2.2. Xem chi tiết hóa đơn

- Đầu vào: chọn lựa hóa đơn cần xem chi tiết thông qua click chọn lựa “View”.

- Đầu ra: thông tin chi tiết của hóa đơn.

- Xử lý: lấy mã hóa đơn OrderID. Truy nhập thông tin từ bảng Order, Customer, OrderDetail xuất ra trình duyệt

```
<?php  
    $status = $_REQUEST['status'];  
    $OrdID = $_REQUEST['ordID'];  
    $re = mysql_query("select * from Orders where OrdID  
= ".$OrdID,$cnn);  
    $row = mysql_fetch_array($re);  
    $re2 = mysql_query("Select * from Customer where CusID =  
". $row['CusID'],$cnn);  
    $row2 = mysql_fetch_array($re2);  
    $re3 = mysql_query("Select Sum(OrdQuantity*OrdPrice) as Total from  
orderDetail where OrdID=".$OrdID,$cnn);  
    $row3 = mysql_fetch_array($re3);  
?>
```

### 3.3.3. Xử lý hóa đơn

- Đầu vào: chọn lựa hóa đơn hoặc từ danh sách hóa đơn, người quản trị lựa chọn trạng thái cho hóa đơn (chờ xử lý, đang xử lý, đã xử lý)



- Đầu ra: chuyển trạng thái hóa đơn (đang chờ, đang xử lý, đã xử lý xong)
- Xử lý: lấy mã hóa đơn, lấy thông tin chọn lựa, lưu thông tin vào bảng Order

```
<?
    if($_REQUEST['act']=="update")
    {
        //update order status
        $ordid=$_REQUEST['ordid'];
        $stt=$_REQUEST['stt'];

        $sql_update="Update orders set OrdStt=".$stt." where
OrdID=".$ordid;

        echo($sql_update);

        if(mysql_query($sql_update,$cnn))
        {

            Redirect('admin.php?go=orderslist&page='.$pagenum.'&status='.$status);
        }
    }
?>
```

### **3.3. Báo cáo thống kê**

#### 3.3.1. Thống kê tổng giá trị bán ra

- Đầu vào: lựa chọn xem thống kê giá trị hàng hóa bán ra. Lựa chọn thời điểm tính toán thống kê
- Đầu ra: tổng số tiền của hàng hóa đã bán ra kể từ thời điểm nhập tới thời điểm hiện tại
- Xử lý: truy cập thông tin từ các bảng Order, OrderDetail, Product và ProSize, tính toán tổng số tiền của các hàng hóa đã bán ra

#### 3.3.2. Thống kê mặt hàng bán chạy nhất

- Đầu vào: lựa chọn xem thống kê hàng bán chạy
- Đầu ra: danh sách các sản phẩm đã được bán xếp theo thứ tự giảm dần về số lượng bán ra.
- Xử lý: truy cập thông tin từ bảng Order, OrderDetail, Product và ProSize. Ở bảng Order, chỉ tìm kiếm thông tin sản phẩm từ các hóa đơn đã ở trạng thái “đã xử lý”. Tính số lượng sản phẩm đã bán.

#### 3.3.3. Thống kê doanh thu

- Đầu vào:
- Đầu ra: Doanh thu của cửa hàng trong một tháng, một tuần...
- Xử lý: lựa chọn khoảng thời gian. Truy vấn các bảng Order, Product, ProSize, OrderDetail. Tìm kiếm trong các hóa đơn ở trạng thái đã xử lý, có OrderDate nằm trong khoảng chọn lựa để lấy ra số lượng sản phẩm đã bán, giá bán, từ đó tính toán ra doanh thu.

### **III. Những hạn chế và hướng giải quyết của chương trình**

#### **1. Hạn chế**

Hệ thống bán hàng trực tuyến, cụ thể là bán quần áo trực tuyến mà em xây dựng đã thực hiện được phần lớn nhiệm vụ đề ra trong phần khảo sát ban đầu, thỏa mãn các chức năng của từng người dùng như xem sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, đặt mua hàng, xem tin tức; quản lý sản phẩm, quản lý thành viên, báo cáo thống kê...

Tuy nhiên hệ thống cũng vẫn còn những hạn chế như:

- Giao diện chương trình chưa đẹp.
- Chức năng tìm kiếm chưa mạnh.
- Chưa hoàn thiện phương thức thanh toán trực tuyến.
- Chưa có một số tính năng như so sánh sản phẩm, trang forum...

#### **2. Hướng giải quyết**

Có thể thấy những hạn chế trên xuất phát từ cả yếu tố chủ quan như: kiến thức bản thân, thời gian tìm hiểu ngôn ngữ còn ngắn... và yếu tố khách quan: hệ thống thanh toán trực tuyến trong nước. Chính vì vậy để khắc phục và giải quyết những hạn chế này đòi hỏi bản thân em phải trau dồi thêm kiến thức, đầu tư thời gian, tìm hiểu thêm về những hệ thống đã được xây dựng và áp dụng trong thực tiễn, để từ đó dần từng bước hoàn thiện chương trình.



## **KẾT LUẬN**

Tuy còn nhiều khó khăn nhưng Thương mại điện tử đang dần được ứng dụng rộng rãi hơn trên phạm vi toàn cầu cũng như trong đất nước ta. Sự phát triển của Thương mại điện tử không chỉ kích thích sự phát triển của nền kinh tế mà mặt khác còn tác động rất lớn tới ngành CNTT trong nước. Ứng dụng bán hàng trực tuyến chưa thực sự phát huy được hết sức mạnh của nó nhưng chắc chắn theo thời gian và những thay đổi chiến lược của nhà nước thì đây sẽ trở thành một hoạt động hữu ích, mạnh mẽ trong nền kinh tế xã hội cũng như sự tác động vào ngành CNTT.

Báo cáo trình bày em đưa ra trên đây được dựa theo những gì đã khảo sát, tham khảo, tìm hiểu được dưới sự hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Thanh Huyền. Do trình độ hiểu biết cũng như kiến thức của bản thân còn nhiều hạn chế nên việc xây dựng báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Những gì trình bày ở trên chỉ mang tính chất học hỏi, trao đổi và bắt đầu làm quen với thực tế.

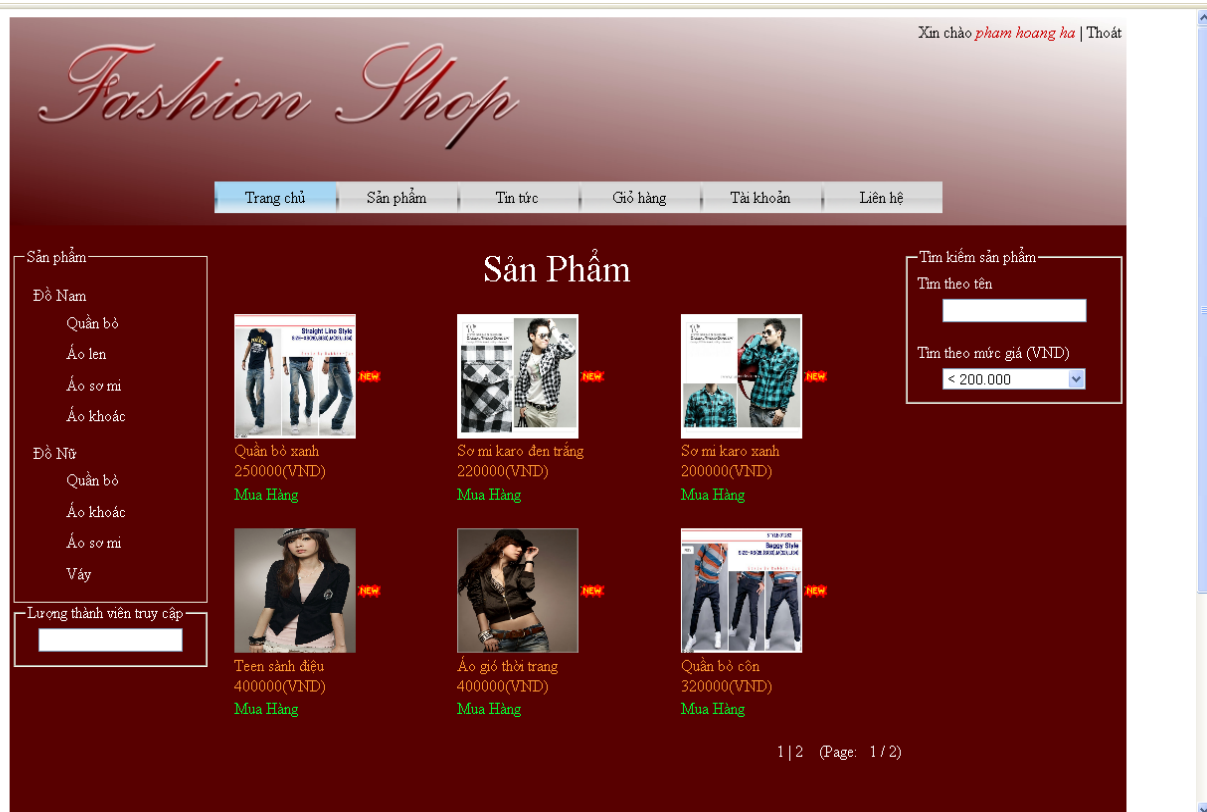
Mong quý Thầy, Cô và các bạn đóng góp ý kiến để kiến thức của em ngày càng hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## PHỤ LỤC.

### MỘT SỐ KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Giao diện trang chủ phía người dùng (khách vãng lai, thành viên)



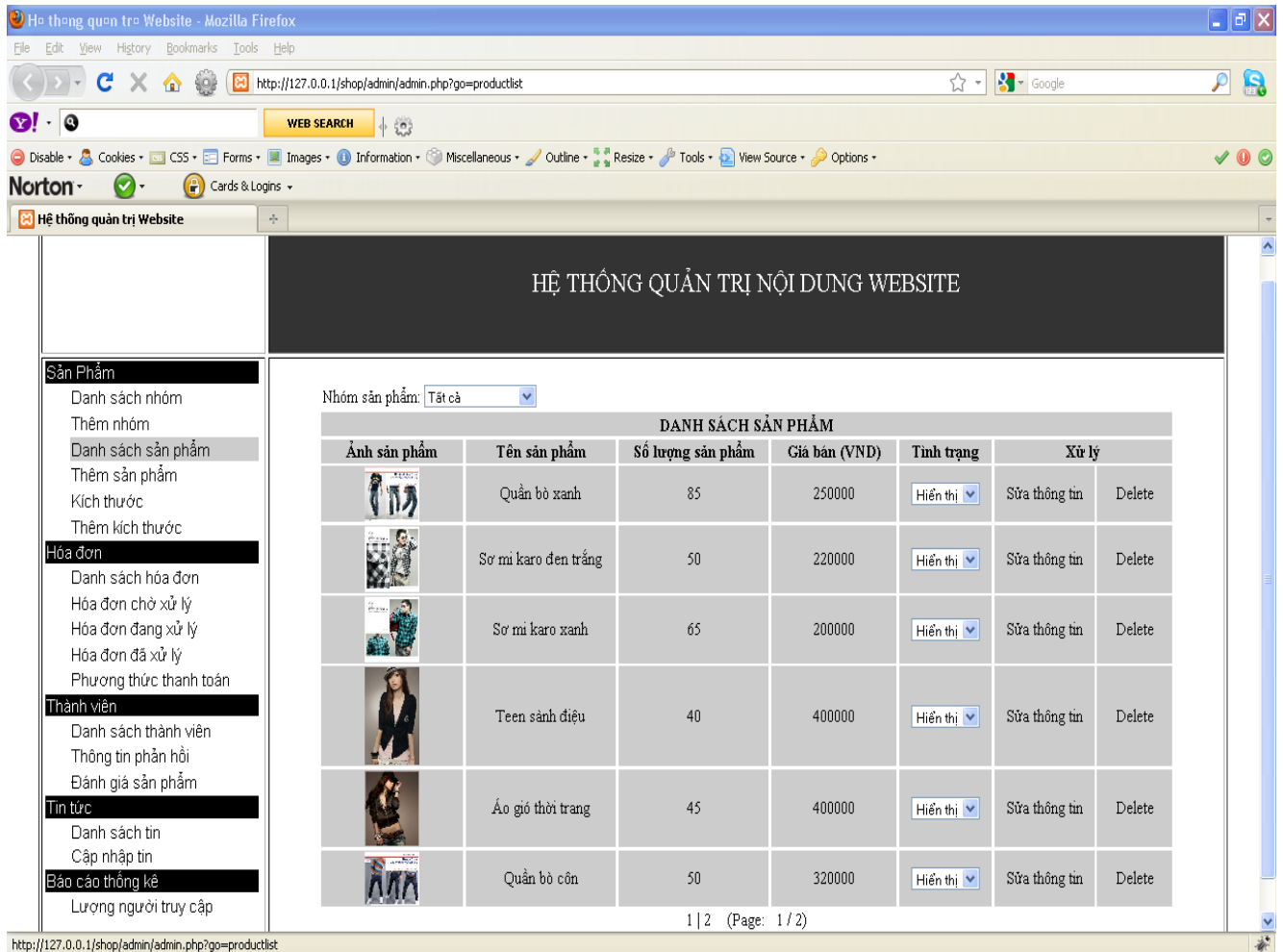










## 2. Giao diện chức năng giỏ hàng của thành viên



### 3. Giao diện chức năng quản lý danh sách sản phẩm



The screenshot displays the 'HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI DUNG WEBSITE' (Website Content Management System) interface. On the left is a sidebar menu with categories like 'Sản Phẩm', 'Hóa đơn', 'Thành viên', 'Tin tức', and 'Báo cáo thống kê'. The main area shows the 'DANH SÁCH SẢN PHẨM' (Product List) with a table of products. A dropdown menu for 'Nhóm sản phẩm' (Product Group) is set to 'Tất cả' (All).

| Ảnh sản phẩm  | Tên sản phẩm         | Số lượng sản phẩm | Giá bán (VND) | Tình trạng | Xử lý                |
|---|----------------------|-------------------|---------------|------------|----------------------|
|    | Quần bò xanh         | 85                | 250000        | Hiện thị   | Sửa thông tin Delete |
|    | Sơ mi karo đen trắng | 50                | 220000        | Hiện thị   | Sửa thông tin Delete |
|   | Sơ mi karo xanh      | 65                | 200000        | Hiện thị   | Sửa thông tin Delete |
|  | Teen sành điệu       | 40                | 400000        | Hiện thị   | Sửa thông tin Delete |
|  | Áo gió thời trang    | 45                | 400000        | Hiện thị   | Sửa thông tin Delete |
|  | Quần bò cộn          | 50                | 320000        | Hiện thị   | Sửa thông tin Delete |

1 | 2 (Page: 1 / 2)

#### 4. Giao diện chức năng thêm sản phẩm

Hoạt động quản trị Website - Mozilla Firefox

File Edit View History Bookmarks Tools Help

http://127.0.0.1/shop/admin/admin.php?go=productaddnew

WEB SEARCH

Disable Cookies CSS Forms Images Information Miscellaneous Outline Resize Tools View Source Options

Norton Cards & Logins

Hệ thống quản trị Website

### HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI DUNG WEBSITE

**Sản phẩm**

Danh sách nhóm

Thêm nhóm

Danh sách sản phẩm

**Thêm sản phẩm**

Kích thước

Thêm kích thước

**Hóa đơn**

Danh sách hóa đơn

Hóa đơn chờ xử lý

Hóa đơn đang xử lý

Hóa đơn đã xử lý

Phương thức thanh toán

**Thành viên**

Danh sách thành viên

Thông tin phản hồi

Đánh giá sản phẩm

**Tin tức**

Danh sách tin

Cập nhập tin

**Báo cáo thống kê**

Lượng người truy cập

**THÊM MỚI SẢN PHẨM**

Nhóm sản phẩm: Quần bò - Nam

Tên sản phẩm:  \*

Kích thước:

☐ M

Số lượng:

☐ L

Số lượng:

☐ XL

Số lượng:

☐ XXL

Số lượng:

☐ 28

Số lượng:

☐ 29Số lượng: ☐ 30Số lượng: ☐ 31Số lượng: 

Mô tả sản phẩm:

Giá nhập sản phẩm:  (VND) \*Giá bán của sản phẩm:  (VND) \*Ảnh sản phẩm:  Hiện thị: Hiện thịSản phẩm mới: ☒ Có ☐ Không

## 5. Giao diện chức năng cập nhật sản phẩm

Hình ảnh minh họa giao diện cập nhật sản phẩm trong hệ thống quản trị nội dung website.

**HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI DUNG WEBSITE**

**Sản Phẩm**

- Danh sách nhóm
- Thêm nhóm
- Danh sách sản phẩm
- Thêm sản phẩm
- Kích thước
- Thêm kích thước

**Hóa đơn**

- Danh sách hóa đơn
- Hóa đơn chờ xử lý
- Hóa đơn đang xử lý
- Hóa đơn đã xử lý
- Phương thức thanh toán

**Thành viên**

- Danh sách thành viên
- Thông tin phản hồi
- Đánh giá sản phẩm

**Tin tức**

- Danh sách tin
- Cập nhập tin

**Báo cáo thống kê**

- Lượng người truy cập

**THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM**

Nhóm của sản phẩm: Áo khoác - Nữ

Tên sản phẩm: Áo gió thời trang

Giá bán sản phẩm: 400000 (VND)

Số lượng sản phẩm: 45

Mô tả sản phẩm: Chất liệu: len, lynn. Màu: đen hoặc nâu. Kiểu dáng: trẻ trung, sành điệu. Xuất xứ: Trung Quốc

Trạng thái sản phẩm: Hiện thị

Tình trạng mới - cũ: ☒ Có ☐ Không

Ảnh sản phẩm:  Browse...

**Thông tin nhập hàng**

| Kích thước | Số lượng | Giá nhập (VND) | Ngày nhập  |
|------------|----------|----------------|------------|
| M          | 20       | 300000         | 2010-06-03 |
| L          | 25       | 300000         | 2010-06-03 |

Cập nhật Thiết lập lại Trở lại



## 6. Giao diện chức năng quản lý danh sách hóa đơn

Hệ thống quản trị Website - Mozilla Firefox

File Edit View History Bookmarks Tools Help

http://127.0.0.1/shop/admin/admin.php?go=orderslist&page=1

WEB SEARCH

Disable Cookies CSS Forms Images Information Miscellaneous Outline Resize Tools View Source Options

Norton Cards & Logins

Hệ thống quản trị Website

**Sản Phẩm**

- Danh sách nhóm
- Thêm nhóm
- Danh sách sản phẩm
- Thêm sản phẩm
- Kích thước
- Thêm kích thước

**Hóa đơn**

- Danh sách hóa đơn
- Hóa đơn chờ xử lý
- Hóa đơn đang xử lý
- Hóa đơn đã xử lý
- Phương thức thanh toán

**Thành viên**

- Danh sách thành viên
- Thông tin phản hồi
- Đánh giá sản phẩm

**Tin tức**

- Danh sách tin
- Cập nhập tin

**Báo cáo thống kê**

- Lượng người truy cập

**HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI DUNG WEBSITE**

**DANH SÁCH HÓA ĐƠN**

| Mã hóa đơn | Ngày lập hóa đơn | Ngày gửi hàng | Khách hàng    | Tổng tiền | Tình trạng | Xử lý   |
|------------|------------------|---------------|---------------|-----------|------------|---------|
| 7          | 2010-06-03       | 2010-06-11    | pham hoang ha | 1,280,000 | Chờ xử lý  | Xem Xóa |
| 9          | 2010-06-03       | 2010-06-09    | pham hoang ha | 1,200,000 | Chờ xử lý  | Xem Xóa |
| 12         | 2010-06-08       | 2010-06-10    | pham hoang ha | 920,000   | Chờ xử lý  | Xem Xóa |
| 10         | 2010-06-03       | 2010-06-05    | pham hoang ha | 600,000   | Đang xử lý | Xem     |
| 14         | 2010-06-08       | 2010-06-10    | pham hoang ha | 250,000   | Đang xử lý | Xem     |
| 8          | 2010-06-03       | 2010-06-12    | pham hoang ha | 400,000   | Hoàn thành | Xem     |

page: 1 (Page: 1 / 1)



## 7. Giao diện xem chi tiết hóa đơn

Hoàng thành quản trị Website - Mozilla Firefox

File Edit View History Bookmarks Tools Help

http://127.0.0.1/shop/admin/admin.php?go=orderdetail&ordID=9&status=

WEB SEARCH

Disable Cookies CSS Forms Images Information Miscellaneous Outline Resize Tools View Source Options

Norton Cards & Logins

Hệ thống quản trị Website

**HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI DUNG WEBSITE**

**Sản Phẩm**

- Danh sách nhóm
- Thêm nhóm
- Danh sách sản phẩm
- Thêm sản phẩm
- Kích thước
- Thêm kích thước

**Hóa đơn**

- Danh sách hóa đơn
- Hóa đơn chờ xử lý
- Hóa đơn đang xử lý
- Hóa đơn đã xử lý
- Phương thức thanh toán

**Thành viên**

- Danh sách thành viên
- Thông tin phản hồi
- Đánh giá sản phẩm

**Tin tức**

- Danh sách tin
- Cập nhập tin

**Báo cáo thống kê**

- Lượng người truy cập

**CHI TIẾT HÓA ĐƠN**

|                           |               |
|---------------------------|---------------|
| Mã hóa đơn                | 9             |
| Tên người mua:            | phạm hoang ha |
| Tên người nhận hàng:      | Phạm Hoàng Hà |
| Số điện thoại người nhận: | 0915123508    |
| Địa chỉ người nhận:       | Lạc Long Quân |
| Ngày giao hàng:           | 2010-06-09    |
| Tổng tiền                 | 1,200,000     |
| Trạng thái hóa đơn        | Chờ xử lý     |

**DANH SÁCH SẢN PHẨM CHỌN MUA**

| Tên sản phẩm      | Kích thước | Số lượng | Tổng tiền |
|-------------------|------------|----------|-----------|
| Áo gió thời trang | L          | 2        | 800000    |
| Teen sành điệu    | M          | 1        | 400000    |

Trở lại

Done



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Đăng Hậu – Kiến thức thương mại điện tử - Viện đào tạo công nghệ và quản lý quốc tế khoa công nghệ thông tin
2. Phạm Hữu Khang – Xây dựng ứng dụng Web bằng PHP và MySQL – NXB Phương Đông – 2007
3. Nguyễn Kim Anh – Nguyên lý của các hệ cơ sở dữ liệu – NXB Quốc Gia Hà Nội
4. Các trang web tham khảo và tìm kiếm trên mạng Internet.